

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Kim Anh

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BIỂN
ĐỨC TUẤN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Kim Anh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Kim Anh

Mã SV: 1612401008

Lớp : QT 2002K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Tại: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn – Số 197MR, Lô 9, Đường Lê Hồng Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Phạm Văn Tường

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Phạm Văn Tường
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Trần Thị Kim Anh Chuyên ngành: Kế toán kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty TNHH Thương mại và vận tải biển Đức Tuấn.
Nội dung hướng dẫn: Khóa luận tốt nghiệp

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Có trách nhiệm, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và vận tải biển Đức Tuấn.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2020

Giảng viên hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	3
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	3
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	3
1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	4
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	7
1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	12
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	15
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	18
1.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác	21
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
1.2.7. Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua các hình thức kế toán	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BIỂN ĐỨC TUẤN	30
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn	30
2.1.1. Quá trình hình thành phát triển	30
2.1.2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu:	31
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	31
2.1.4. Tổ chức kế toán tại Công ty	35
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn	41

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn.....	41
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	48
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	55
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	63
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	68
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	68
CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BIỂN ĐỨC TUẤN	
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn.....	80
3.1.1. Ưu điểm.....	80
3.1.2. Nhược điểm.....	81
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn	82
3.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty	82
3.2.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.....	86
3.2.3. Ứng dụng phần mềm kế toán	90
KẾT LUẬN	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO	97

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán theo phương thức bán hàng trực tiếp chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý (bên giao đại lý)	11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp	11
Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	14
Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	15
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh	17
Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	20
Sơ đồ 1.8: Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác	22
Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	25
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	26
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	27
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	28
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	29
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Biển Đức Tuấn	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty	35
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán	40
Sơ đồ 2.4: Quy trình hoạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Công ty	42
Sơ đồ 2.5: Quy trình hoạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty	48
Sơ đồ 2.6: Quy trình hoạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty	55
Sơ đồ 2.7: Quy trình hoạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty	64
Sơ đồ 2.8: Quy trình hoạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	68

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu số: 2.1 – Hóa đơn GTGT số 0000254	44
Biểu số: 2.2 – Hóa đơn GTGT số 0000256	45
Biểu số 2.3 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 05/12.....	46
Biểu số: 2.4 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 05/12.....	46
Biểu số : 2.5 – Trích sổ cái TK 511	47
Biểu số: 2.6 – Hóa đơn GTGT số 0000351	52
Biểu số: 2.7 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 08/12	53
Biểu số: 2.8 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 08/12.....	53
Biểu số: 2.9 – Trích sổ cái TK 632	54
Biểu số: 2.10 – Hóa đơn GTGT số 0000071	57
Biểu số: 2.11 – Phiếu chi số PC236	58
Biểu số: 2.12 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông số 1751926	59
Biểu số: 2.13 – Phiếu chi số PC237	60
Biểu số: 2.14 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 02/12	61
Biểu số: 2.15 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 02/12.....	61
Biểu số: 2.16 – Trích sổ cái TK 642	62
Biểu số: 2.17 – Giấy báo có ngày 26/12/2019	65
Biểu số: 2.18 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 03/12	66
Biểu số: 2.19 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 03/12.....	66
Biểu số: 2.20 – Trích sổ cái TK 515	67
Biểu số: 2.21 – Phiếu kế toán số 75	69
Biểu số: 2.22 – Phiếu kế toán số 76	70
Biểu số: 2.23 – Phiếu kế toán số 77	70
Biểu số: 2.24 – Phiếu kế toán số 78	71
Biểu số: 2.25 – Phiếu kế toán số 79	71
Biểu số: 2.26 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 52/12	72
Biểu số: 2.27 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 52/12.....	72
Biểu số: 2.28 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 53/12	73
Biểu số: 2.29 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 53/12.....	73
Biểu số: 2.30 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 54/12	74
Biểu số: 2.31 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 54/12.....	74
Biểu số: 2.32 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 55/12	75
Biểu số: 2.33 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 55/12.....	75

Biểu số: 2.34 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 56/12	76
Biểu số: 2.35 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 56/12.....	76
Biểu số: 2.36 – Trích sổ cái TK 911	77
Biểu số: 2.37 – Trích sổ cái TK 821	78
Biểu số: 2.38 – Trích sổ cái TK 421	79
Biểu số: 3.1 – Sổ chi tiết tài khoản.....	83
Biểu số: 3.2 – Sổ chi tiết tài khoản 511.....	84
Biểu số: 3.3 – Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu.....	84
Biểu số: 3.4 – Sổ chi tiết tài khoản 632.....	85
Biểu số: 3.5 – Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn.....	85
Biểu số: 3.6 – Hóa đơn GTGT số 0000256	87
Biểu số: 3.7 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 04/12	88
Biểu số: 3.8 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 04/12.....	88
Biểu số: 3.9– Trích sổ cái TK 511	89

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển, muốn đứng vững trên thị trường thì phải có những chiến lược kinh doanh cụ thể, rõ ràng, có những biện pháp tối ưu để kinh doanh có hiệu quả và thu được lợi nhuận cao nhất.

Hơn bao giờ hết, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đang là vấn đề thường xuyên đặt ra đối với mỗi doanh nghiệp. Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ góp phần tăng tính cạnh tranh, nâng cao chất lượng các quyết định của doanh nghiệp, tăng sự minh bạch thông tin tài chính. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ những thông tin về doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí, các khoản thực hiện nghĩa vụ với nhà nước,... và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp số liệu báo cáo các chỉ tiêu phân tích, để từ đó tư vấn cho ban lãnh đạo công ty lựa chọn được phương án kinh doanh hiệu quả nhất.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán này, kết hợp với những kiến thức đã được trang bị trong quá trình học tập tại trường và thực tế thu thập từ công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn, với sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Th.S Phạm Văn Tường và sự giúp đỡ tận tình của Ban lãnh đạo công ty cùng các anh chị phòng kế toán, em đã đi sâu nghiên cứu và lựa chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn”.

Luận văn tốt nghiệp bao gồm 3 chương chính :

Chương 1 : Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Chương 3 : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Khóa luận tốt nghiệp

Là sinh viên lần đầu tiếp cận với thực tế công tác kế toán, trước đề tài có tính tổng hợp và thời gian hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự giúp đỡ và đánh giá, góp ý của ban lãnh đạo, các cán bộ phòng kế toán Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn và các thầy cô giáo bộ môn trong khoa Quản trị kinh doanh, đặc biệt là thầy giáo Phạm Văn Tường để em có thể hoàn thiện luận văn của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong điều kiện hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua kết quả kinh doanh trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định cuối cùng của hoạt động kinh doanh. Trong hoạt động kinh doanh, ngoài việc mua sắm các yếu tố đầu vào, tiến hành tạo ra sản phẩm, doanh nghiệp phải tiến hành tiêu thụ để thu tiền về tạo nên doanh thu cho mình. Đây là bộ phận quan trọng quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước.

1.1.2. Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1.2.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài bán (Nếu có).

+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Thu nhập khác: Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng

đầu ra trong trường hợp doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

1.1.2.3. Chi phí

Chi phí là khoản chi phí mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để vận hành hoạt động của mình trong hoạt động kinh doanh và sản xuất. Đây là khoản chi phí mà người quản lý và người chủ doanh nghiệp luôn phải cân đối sao cho phù hợp nhất với lợi nhuận doanh nghiệp của mình. Chi phí gồm có: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Giá vốn hàng bán: Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ Chi phí quản lý kinh doanh: là chi phí chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng: là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng của doanh nghiệp như: Lương của nhân viên bán hàng, chi phí bốc dỡ hàng hóa, chi phí chuyển hàng, chi phí kho bãi lưu trữ hàng hóa...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, lương của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng, khấu hao tài sản dùng cho quản lý...

+ Chi phí hoạt động tài chính: Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.....

+ Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ, phạt tiền do vi phạm hợp đồng kinh tế, giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là : khoản chi bao gồm thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại nhằm mục đích xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.2.4. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{trước thuế} & & \text{hoạt động} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{từ hoạt} \\ \text{của doanh} & = & \text{kinh doanh} & & \text{chính} & & \text{động khác} \end{array}$$

- Kết quả hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ: Là hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản phẩm kinh doanh phụ.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt} & & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí quản} \\ \text{động kinh doanh} & = & \text{thuần} & - & \text{hàng bán} & - & \text{lý kinh doanh} \end{array}$$

- Kết quả hoạt động tài chính: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn với mục tiêu kiếm lời.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt} & & \text{Doanh thu từ hoạt} & & \text{Chi phí từ hoạt} \\ \text{động tài chính} & = & \text{động tài chính} & - & \text{động tài chính} \end{array}$$

- Kết quả hoạt động khác: Là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{trước thuế thu} & = & \text{từ hoạt động} & + & \text{từ hoạt động} & + & \text{từ hoạt} \\ \text{nhập doanh} & & \text{kinh doanh} & & \text{tài chính} & & \text{động khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Chi phí thuế thu} \\ \text{thuế thu nhập} & = & \text{trước thuế} & - & \text{nhập doanh} \\ \text{doanh nghiệp} & & \text{của doanh} & & \text{nghị nghiệp hiện hành} \end{array}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị...

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả trạng thái như hàng tồn kho...

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- Lựa chọn phương án tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp phù hợp.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý kinh doanh, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh.

1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Các phương thức tiêu thụ

Phương thức bán hàng trực tiếp

Theo phương thức bán hàng trực tiếp người mua đến nhận hàng tại kho doanh nghiệp bán. Sau khi người doanh nghiệp giao hàng, người mua kí vào hóa đơn chứng từ bán hàng chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán được ghi nhận doanh thu.

Phương thức bán hàng gửi đại lý

Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Phương thức này bán hàng sẽ phải thu tiền nhiều lần. Khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì lượng hàng đó được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

Phương thức hàng đổi hàng

Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà Công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là hiện hành của vật tư, hàng hóa cung cấp trên thị trường.

1.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Phiếu xuất khi bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Giấy báo có của ngân hàng;
- Ủy nhiệm thu;
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.1.3. Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 511 –Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu của tài khoản 511:

+ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

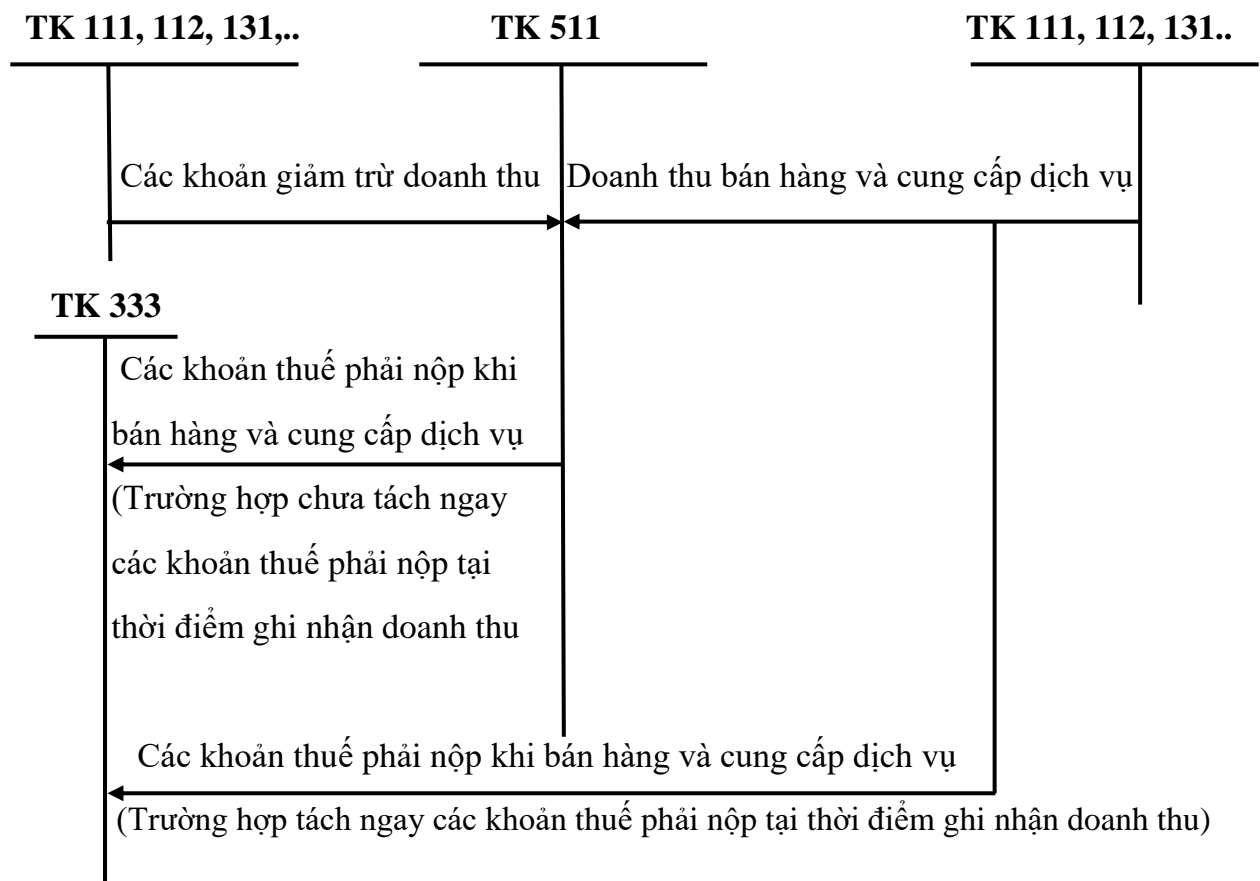
Tài khoản 511 không có số dư và có 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác

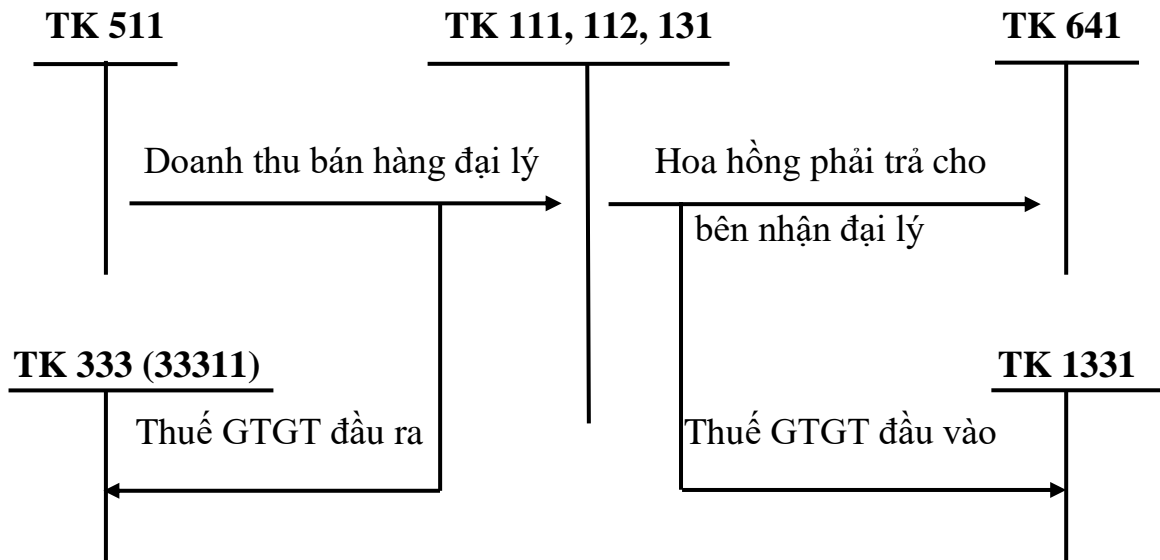
Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- TK 3333 “Thuế xuất khẩu”
- TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

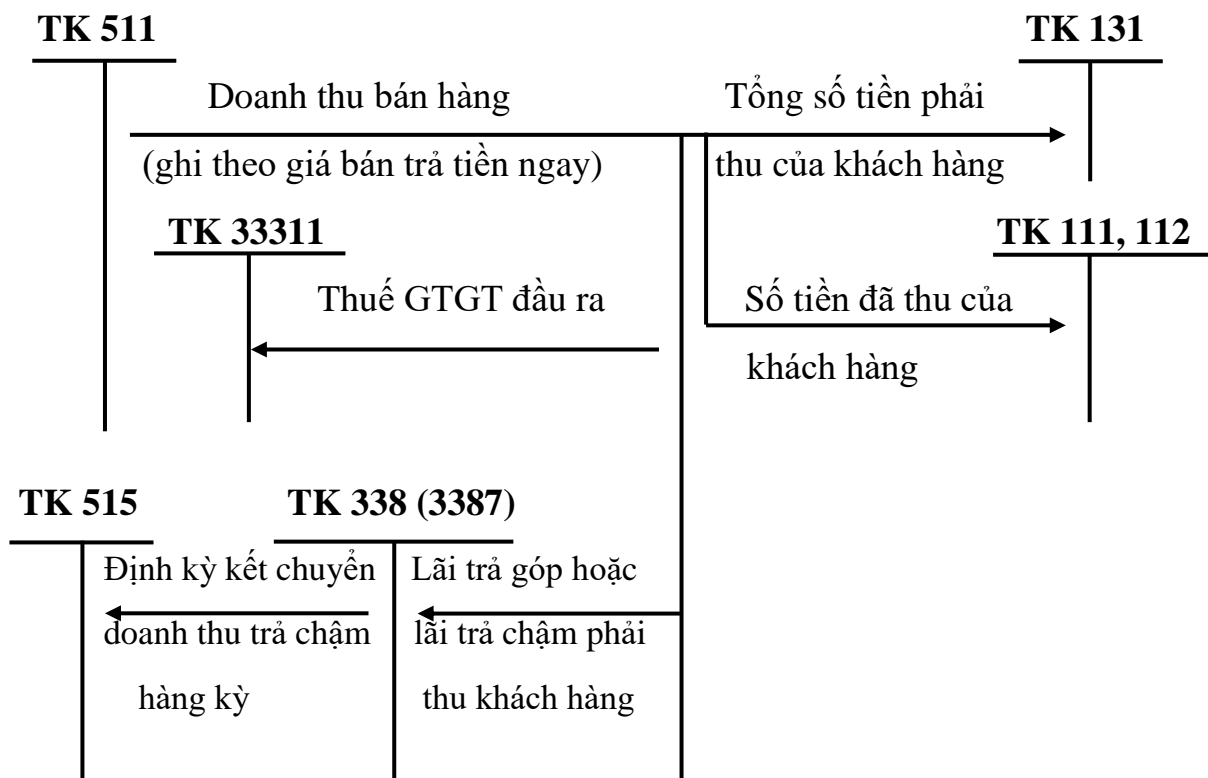
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán theo phương thức bán hàng trực tiếp chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý (bên giao đại lý)



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Các phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

Để đưa ra được giá bán hợp lý doanh nghiệp định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác nhận hiệu quả của sản xuất kinh doanh. Trong thực tế của giá cả mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi phải xác hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định giá trị hàng hóa xuất kho trên cơ sở đơn giá nhập kho tương ứng.

Hiện nay, có nhiều cách tính giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp.

Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:

Trị giá hàng xuất kho = Đơn giá hàng xuất kho x Số lượng xuất kho

Cụ thể với từng phương pháp như sau:

Phương pháp bình quân gia quyền:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{HH tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{HH nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Số lượng HH tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Số lượng HH nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}$$

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn)

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } n}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } n}$$

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Phương pháp này được xác định dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua vào trước hoặc sản xuất trước thì xuất trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giá định là hàng xuất kho trước tiên, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự chúng được mua vào, nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần

đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

Phương pháp thực tế đích danh:

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó tính giá vốn hàng xuất kho.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan...

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

TK 632- Giá vốn hàng bán

Kết cấu của tài khoản 632:

+ Bên nợ:

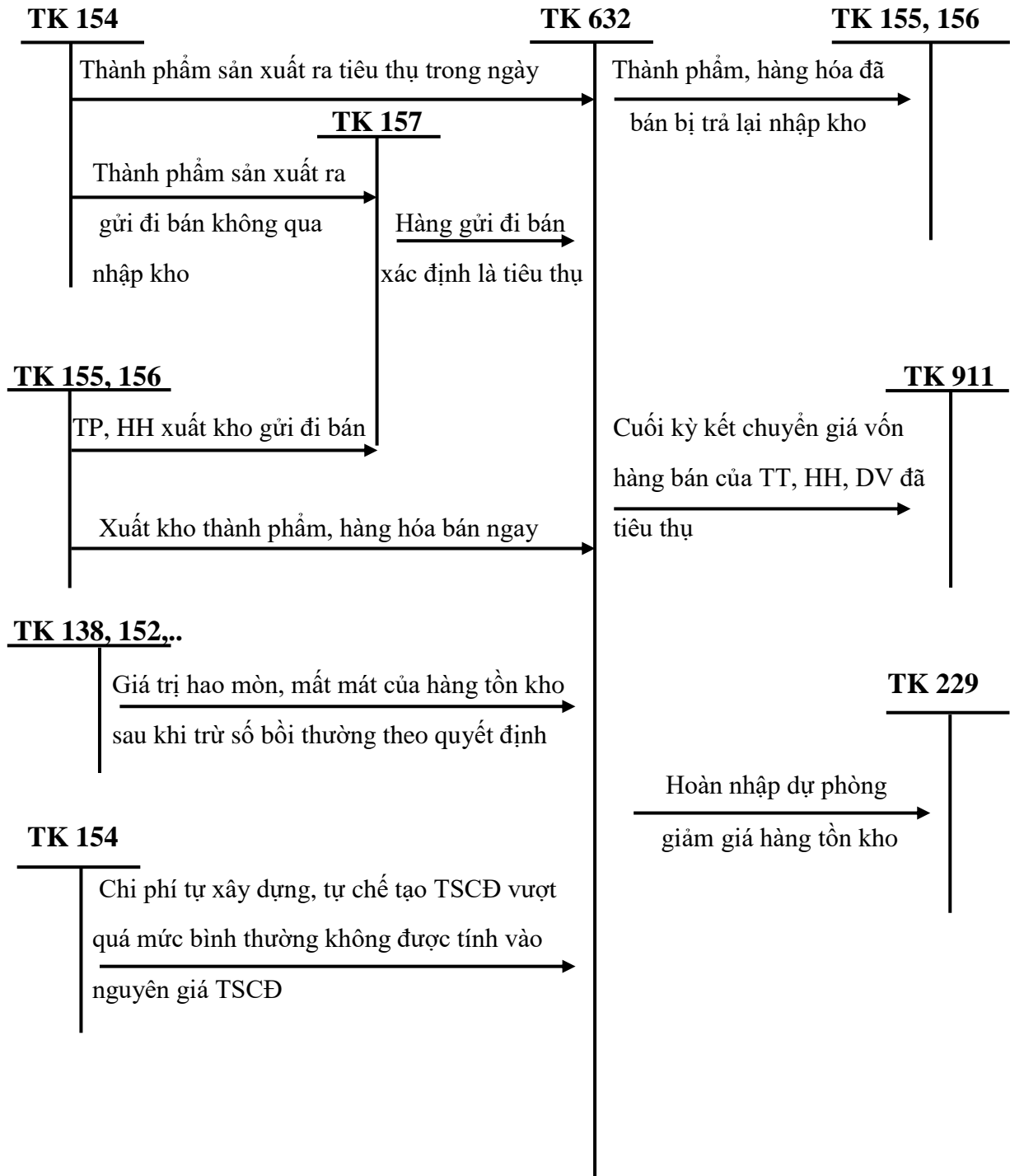
- Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm các nhân gây ra.
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

+ Bên có:

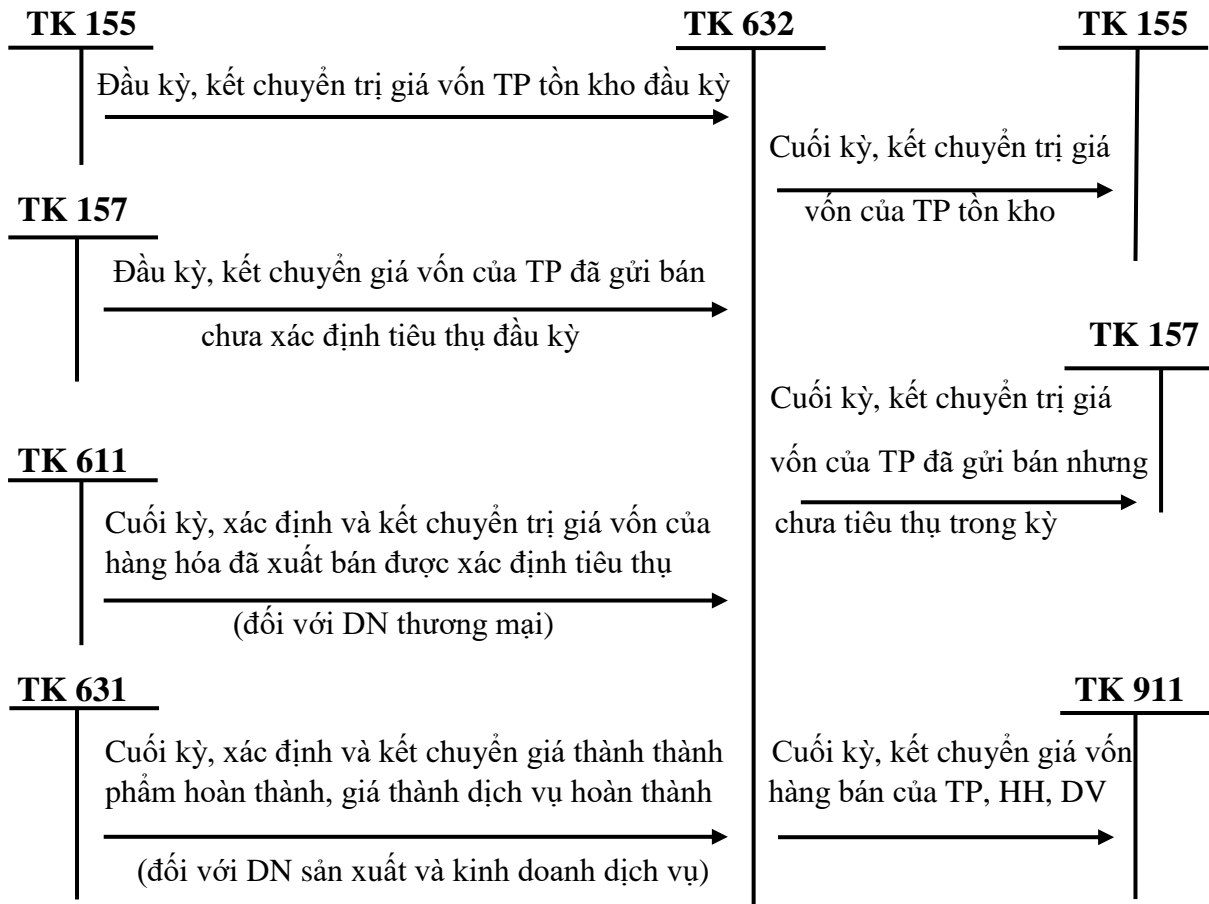
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.
- Các khoản thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
- Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã bán sang TK 911.

TK 632 không có số dư.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Chứng từ kế toán liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

TK 642 có 2 TK cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu của tài khoản 642:

+ Bên nợ:

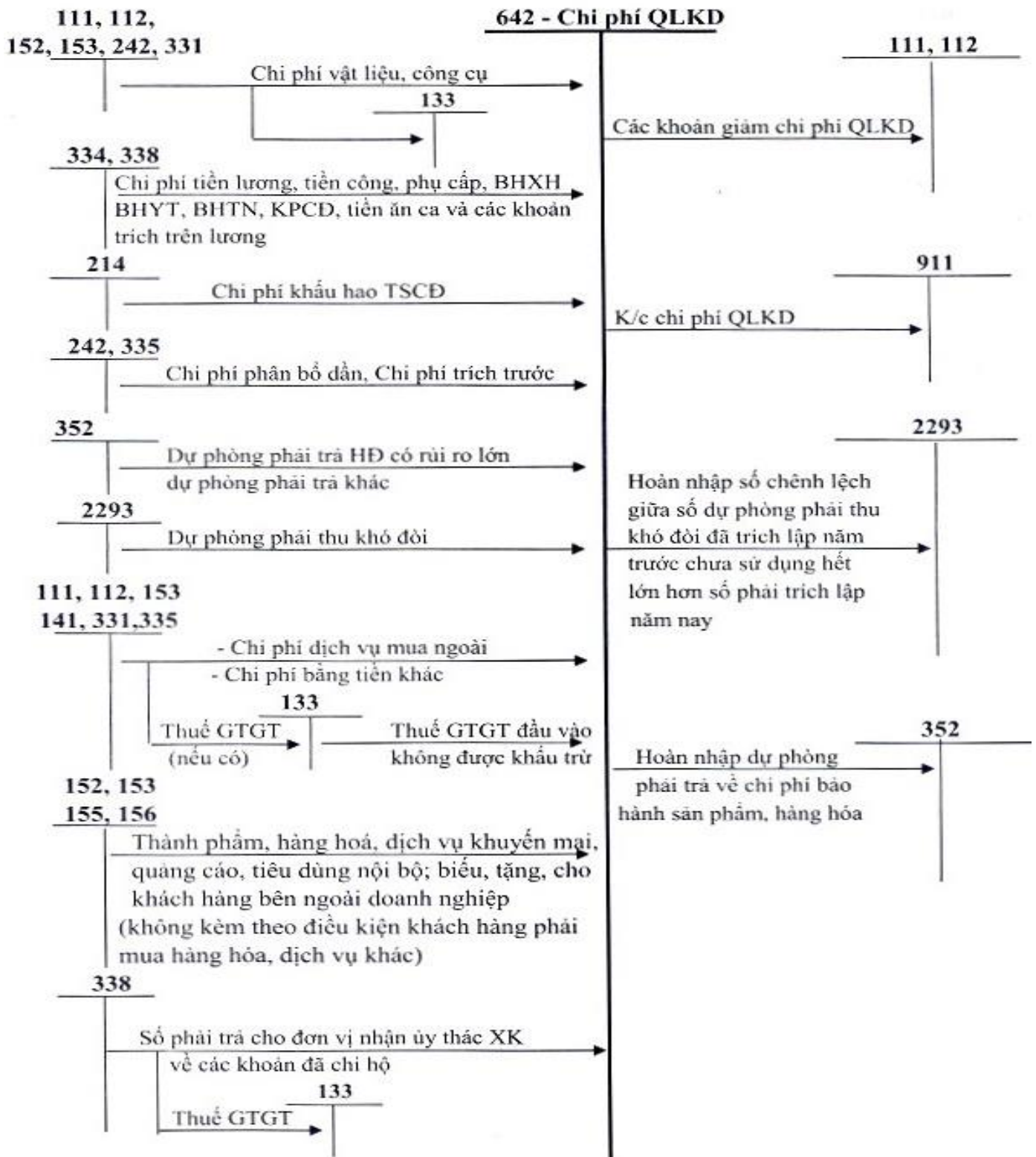
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

+ Bên có:

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911.

TK 642 không có số dư.

1.2.3.3. Phương pháp hoạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

➤ TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu của tài khoản 515:

+ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

+ Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

TK 515 không có số dư.

➤ TK 635 - Chi phí tài chính

Kết cấu của tài khoản 635:

+ Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ

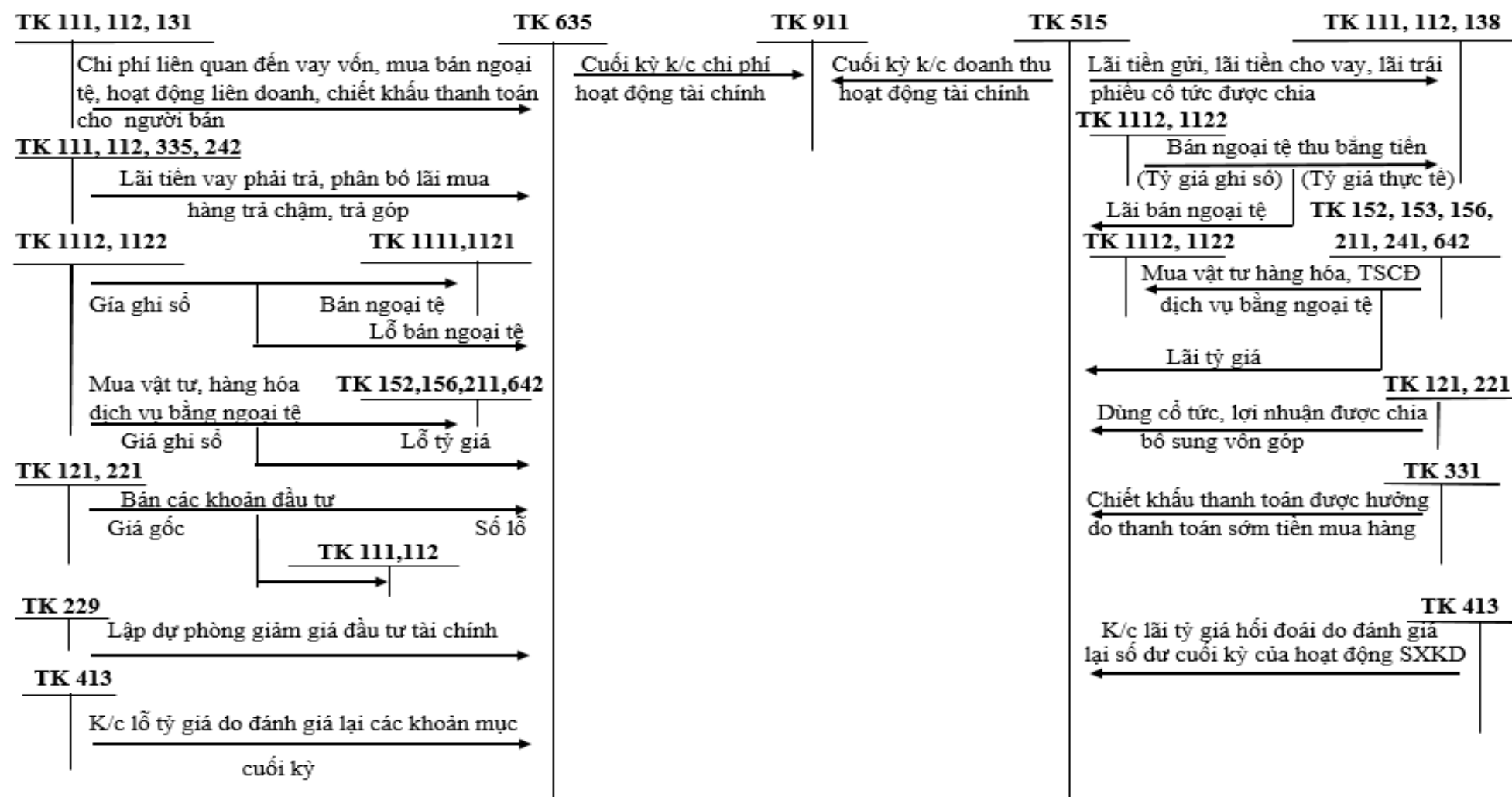
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

+ Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập từ kỳ trước).
- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính.
- Cuối kỳ kê toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, phiếu kế toán,...
- Các chứng từ liên quan khác nhau như: biên bản thanh lý, hợp đồng kinh tế,...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:

TK 711 - Thu nhập khác

Kết cấu của tài khoản 711:

+ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

+ Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

TK 811- Chi phí khác

Kết cấu của tài khoản 811:

+ Bên nợ:

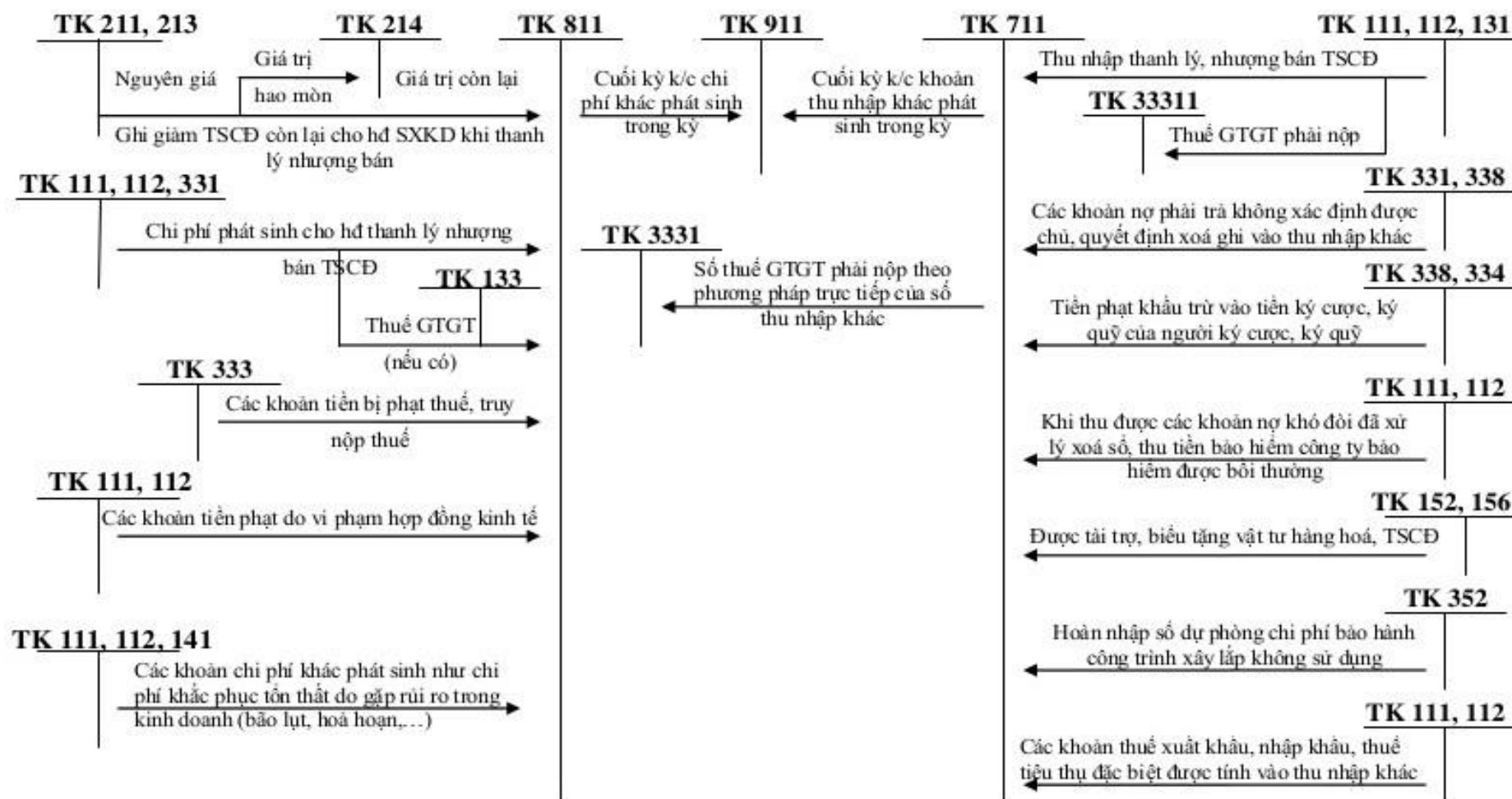
- Các khoản chi phí khác phát sinh

+ Bên có:

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

1.2.5.3. Phương pháp hoạch toán



Sơ đồ 1.8: Kế toán thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu của tài khoản 911:

+ Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

+ Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu nội bộ, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư.

TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

TK 421 có 2 TK cấp 2:

- TK 4211 : Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- TK 4212 : Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

Kết cấu của tài khoản 421:

+ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp

- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh

- Nộp lợi nhuận lên cấp trên

+ Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ

- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

+ Bên Nợ:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm

- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.

+ Bên Có:

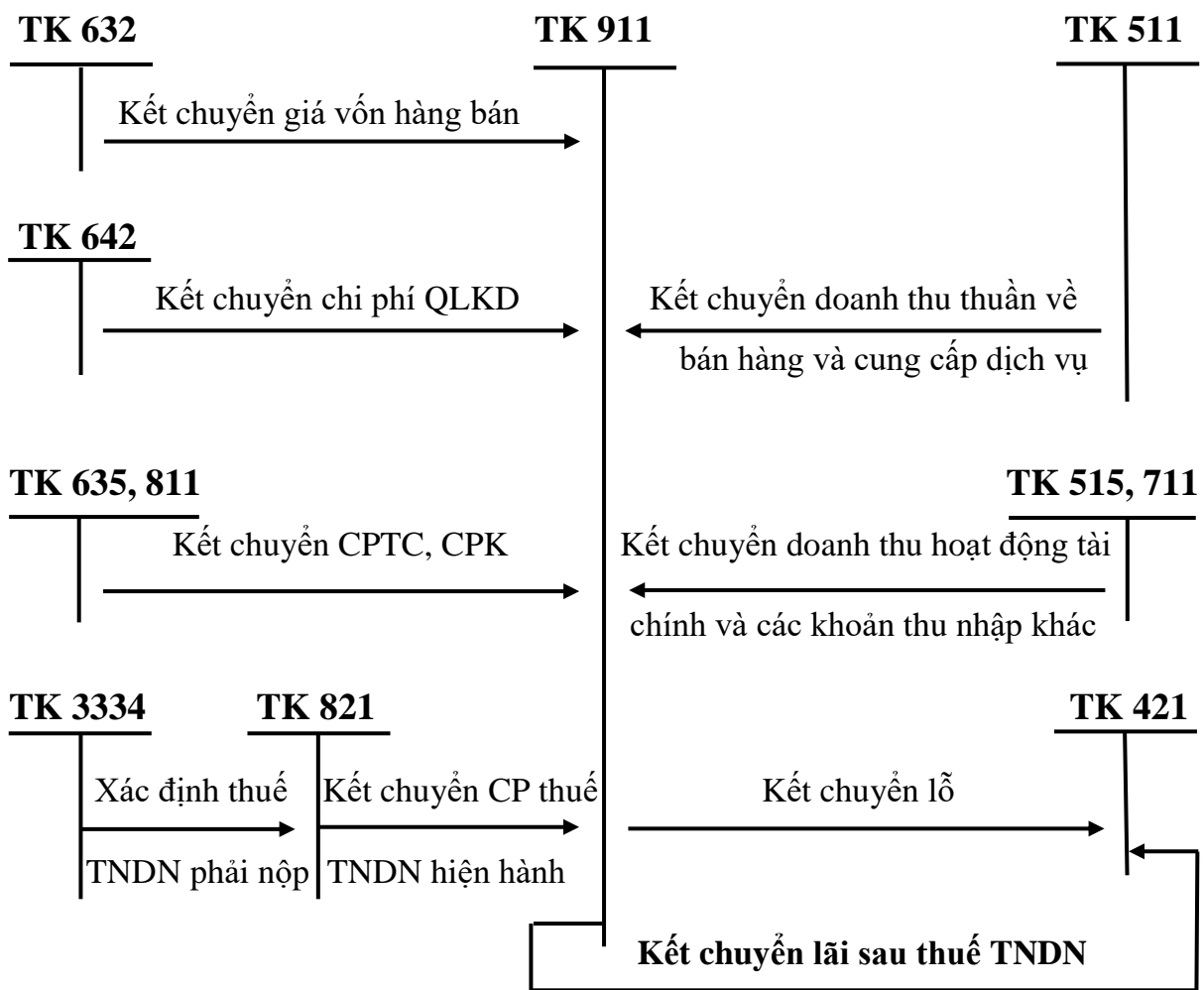
- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm.

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 không có số dư

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán



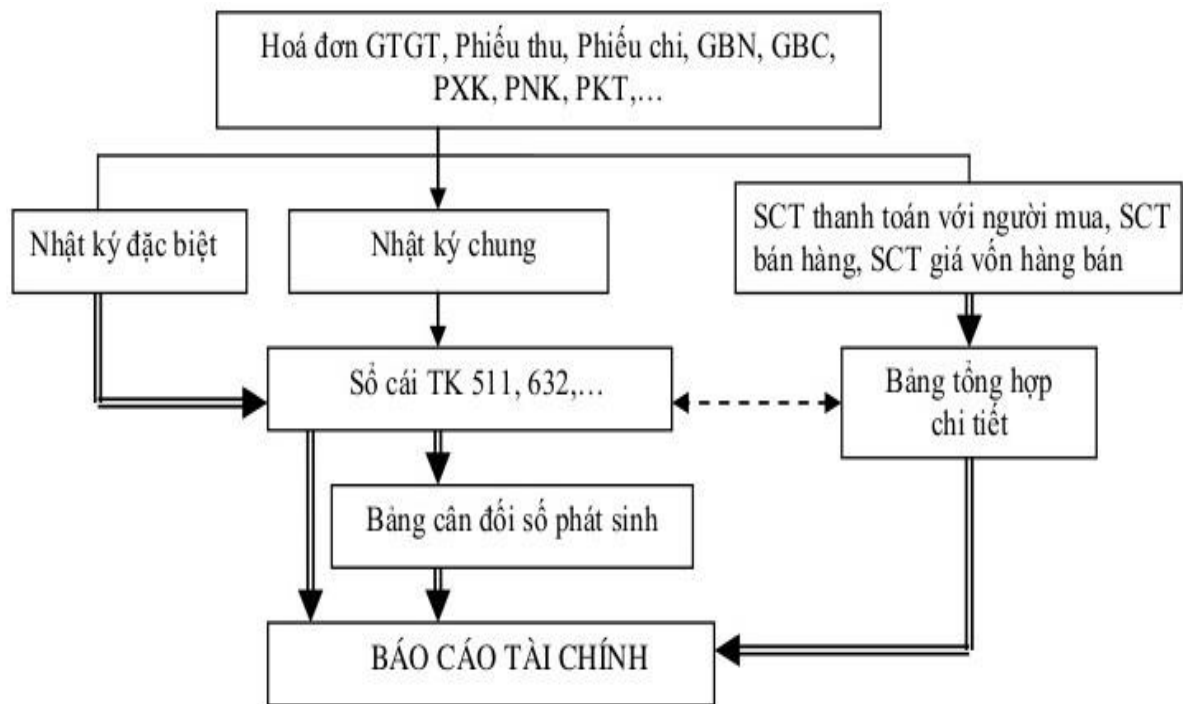
Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7. *Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh qua các hình thức kế toán*

Các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể áp dụng một trong 4 hình thức sổ kế toán sau:

- Hình thức sổ Nhật ký chung.
- Hình thức chứng từ ghi sổ.
- Hình thức Nhật ký – sổ cái.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức kế toán Nhật ký chung:



- Ghi chú:**
- > : Ghi hàng ngày
 - =====> : Ghi cuối tháng
 - ←-----> : Đối chiếu

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

+ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã được ghi vào sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thì kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thì kế toán chi tiết liên quan.

+ Cuối tháng, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.

+ Về nguyên tắc: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

+ Ưu điểm:

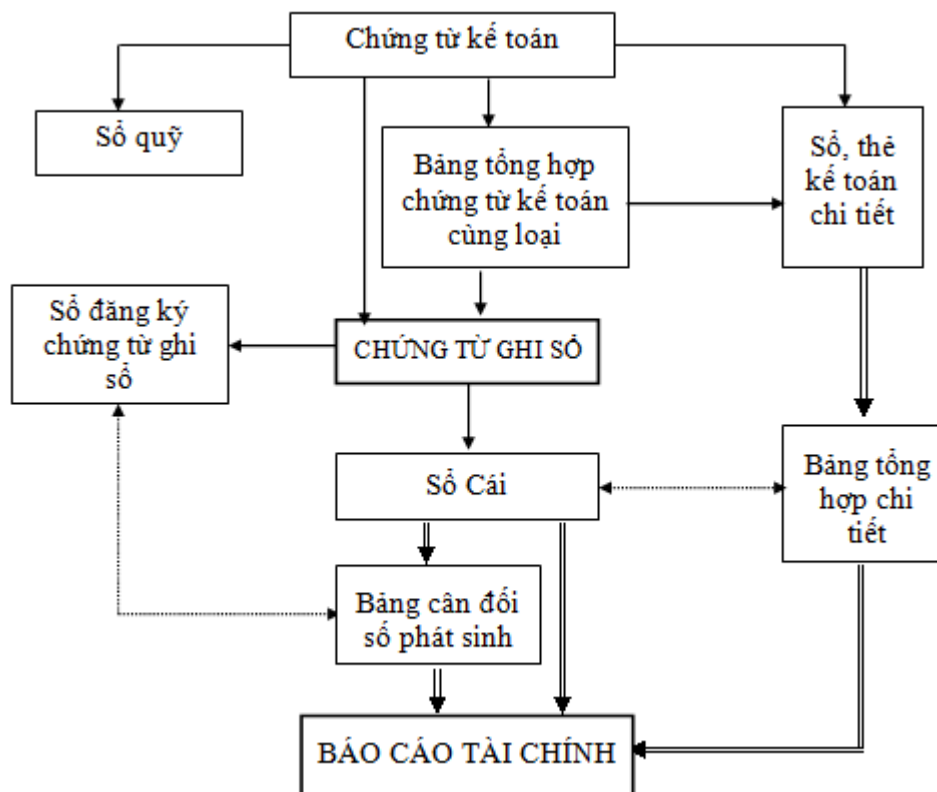
- Mẫu số đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán
- Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

+ Nhược điểm:

- Lượng ghi chép nhiều.

Hình thức chứng từ ghi sổ

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



- Ghi chú:**
- > : Ghi hàng ngày
 - =====> : Ghi cuối tháng
 - > : Đối chiếu

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

+ *Ưu điểm:*

- Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán

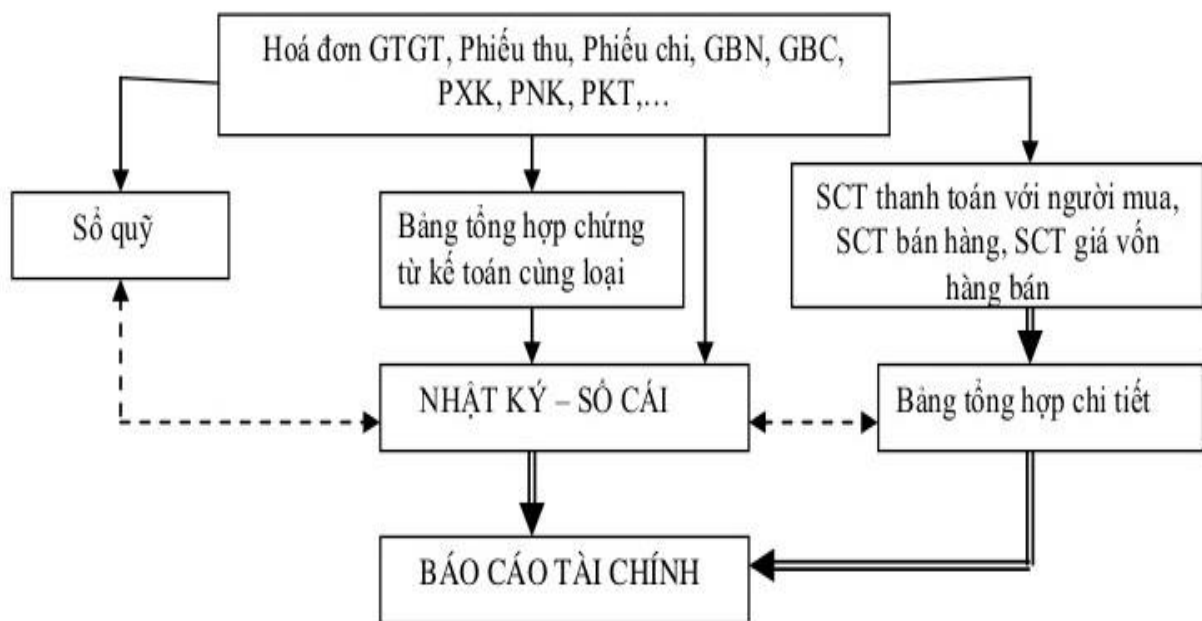
+ *Nhược điểm*

- Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.

- Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã phản ánh trên chứng từ kế toán đều được ghi vào Sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký – sổ cái theo trình tự thời gian. Căn cứ vào Nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp các chứng từ kế toán cùng loại



Ghi chú: \longrightarrow : Ghi hàng ngày

\Longrightarrow : Ghi cuối tháng

\longleftrightarrow : Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

+ **Ưu điểm**

- Số lượng sổ ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép.

- Việc ktra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký – sổ cái

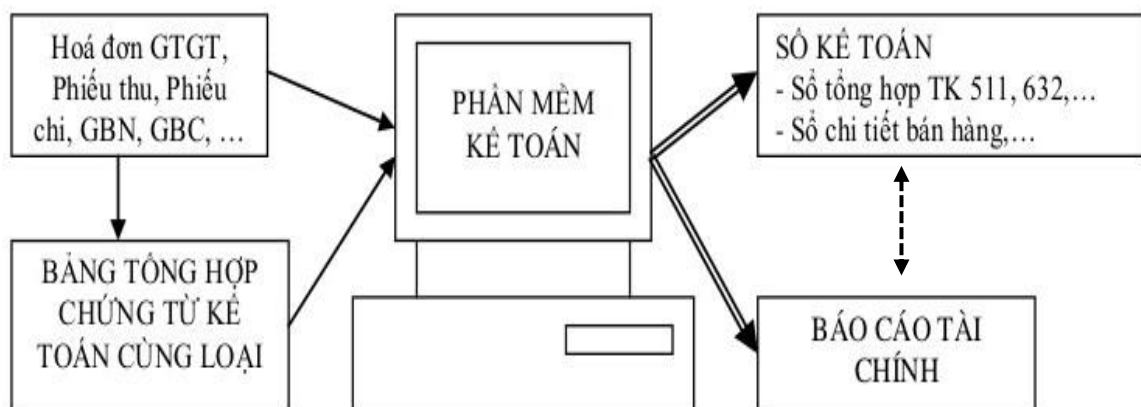
+ **Nhược điểm**

- Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán (chỉ có duy nhất 1 sổ tổng hợp – Nhật ký sổ cái)

- Khó thực hiện đối với DN có quy mô vừa và lớn, phát sinh nhiều Tài khoản.

Hình thức kế toán trên máy vi tính

Việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



- Ghi chú:**
- > : Ghi hàng ngày
 - =====> : Ghi cuối tháng
 - ←-----> : Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BIỂN ĐỨC TUẤN

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

2.1.1. Quá trình hình thành phát triển

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201305153 ngày 22 tháng 07 năm 2013 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Một số thông tin cơ bản về Công ty:

- Tên công ty: Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Biển Đức Tuấn
- Tên tiếng Anh: DUC TUAN SHIPPING AND TRADING CO.,LTD
- Tên viết tắt: DucTuanShip
- Địa chỉ trụ sở: Số 197MR, Lô 9, đường Lê Hồng Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0316.559 455 ; Fax: 0313.747 086
- Email: ductuan@ductuanship.com ; bolideship@gmail.com
- Website: www.ductuanship.com
- Mã số doanh nghiệp và mã số thuế: 0201305153
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Công ty được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý với nhiều năm kinh nghiệm thực hiện tại các Công ty tàu biển và các Tập đoàn thương mại lớn như Vinalines, Thép Hòa Phát, Vận tải biển Nippon Nhật Bản....

Trong bối cảnh nền kinh tế và tiến trình hội nhập kinh tế ước tể đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành hàng hải và công nghiệp tàu thủy Việt Nam. Ngay từ khi thành lập Công ty với nguồn vốn góp của các thành viên Công ty đã thuê và khai thác hiệu quả các tàu Thái Bình 35 và Thái bình 36 và một số tàu cỡ lớn khác... Trong thời gian qua Công ty đã luân chuyển được số lượng hàng hóa lớn bằng đường biển chạy các tuyến Việt Nam, Trung Quốc, Ấnđônêxia, Malayxia, Singapo, Philipine, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản...

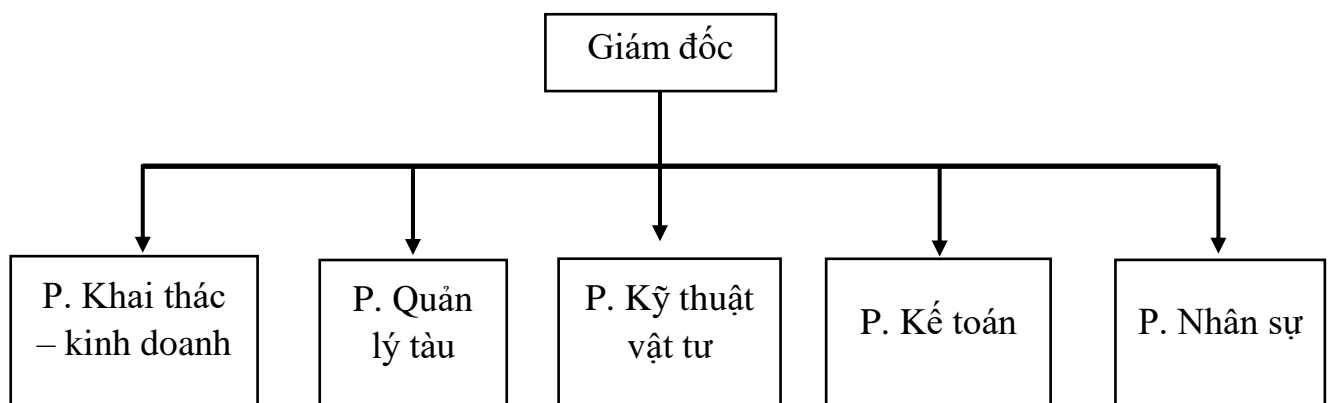
Bên cạnh đó với năng lực tài chính mạnh là các hợp đồng thương mại và vận tải quốc tế dài hạn như chuyên chở toàn bộ lượng clinker xuất khẩu của nhà máy Xi măng Thăng Long (thuộc cổ phần chính là Cement Gresik), Cung ứng vật tư cho các dự án lớn (Cung ứng sắt thép xây dựng cho cụm CN Formosa Hà Tĩnh), thuê tàu và Khai thác tàu biển, Đại lý Hàng hải... Công ty đã ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa quốc tế lớn mạng lại hiệu quả kinh tế cao.

2.1.2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa thủy bộ
- Dịch vụ môi giới
- Dịch vụ sửa chữa, đóng mới và cung ứng tàu biển, thuyền viên

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Để khai thác an toàn, hiệu quả dự án của Công ty và phù hợp với các quy định, luật pháp quốc tế cũng như công ước quốc tế về an toàn, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường và vận hành tối ưu đội tàu, Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Biển Đức Tuấn đã tổ chức thực hiện khai thác và quản lý một các hợp lý và chặt chẽ. Sau đây là sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Biển Đức Tuấn.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương Mại và Vận Tải Biển Đức Tuấn.

(Nguồn: Phòng quản lý nhân sự)

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

Ban Giám đốc:

Trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty. Triển khai và thực hiện việc khai thác tàu và duy trì một hệ thống quản lý an ninh, an toàn kể cả việc thực hiện các hành động khắc phục các khiếm khuyết và sự không phù hợp được báo cáo. Bố trí và sử dụng các chuyên viên có năng lực trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác phù hợp cho mỗi vị trí trong hệ thống quản lý an ninh, an toàn. Ban giám đốc Công ty sẽ thực hiện các công tác bao gồm:

- + Cung cấp những nguồn lực cần thiết (Cả nhân lực và vật lực) để thực hiện hệ thống khai thác và quản lý tàu.
- + Chỉ huy soát xét hệ thống, tìm ra những điểm không phù hợp, đánh giá hiệu quả của hệ thống, chỉ đạo cải tiến hệ thống này.
- + Thành lập và huy động Đội ứng cứu sự cố với tư cách là người lãnh đạo có thẩm quyền cao nhất của đội.
- + Thành lập và chỉ đạo Đội đánh giá nội bộ làm công tác đánh giá.
- + Làm việc với giới truyền thông và các bên liên quan về những sự kiện lớn tại Công ty và đội tàu.

Phòng Khai thác – kinh doanh:

- + Khai thác các hợp đồng vận tải, các đơn hàng.
- + Theo dõi thường xuyên vị trí và lịch trình các tàu, thông báo tới các phòng ban liên quan.
- + Theo dõi và tổng hợp từng chuyến hàng, thời gian chờ hàng, tiêu thụ nhiên liệu tương đối trong chuyến, chủng loại hàng.
- + Đánh giá chất lượng đại lý tại cảng tàu ghé.
- + Chỉ định đại lý theo sự phê duyệt của Giám đốc Công ty.
- + Chuẩn bị hồ sơ dự kiến xếp hàng.
- + Duy trì thông tin liên lạc giữa các tàu và Công ty. Nhận thông tin từ tàu và phát các thông tin cho tàu thông qua các hình thức thông tin liên lạc phù hợp.

- + Gửi hồ sơ xếp hàng dự kiến trực tiếp hoặc qua đại lý đến Thuyền trưởng.
- + Kiểm tra và sửa lại cho đúng tên kỹ thuật của các loại hàng nguy hiểm hoặc hóa chất độc hại và những thông tin cần nhận biết cần thiết theo các quy định trong IMDG Code.
- + Hướng dẫn vận chuyển, chất xếp, chằng buộc các loại hàng có tính chất đặc biệt trên sơ đồ xếp hàng.
- + Kiểm tra và đảm bảo ăng trọng lượng và thể tích hàng phù hợp với tải trọng và thể tích hầm hàng tàu.

Phòng Quản lý tàu:

- + Kiểm tra, kiểm soát và cung cấp các thông tin về hải đồ, các ấn phẩm hàng hải phù hợp với kế hoạch hoạt động kinh doanh của tàu.
- + Tham mưu cho Giám đốc Công ty lập kế hoạch, triển khai và theo dõi việc phát triển đội tàu của Công ty.
- + Theo dõi, thu thập, cập nhật, nghiên cứu, phổ biến và hướng dẫn áp dụng những văn bản sửa đổi bổ sung của các công ước, bộ luật, quy định quốc tế và các văn bản pháp luật của các quốc gia về hàng hải cho đội tàu và các phòng ban có liên quan.
- + Thu thập và cập nhật các thông tin về an toàn hàng hải, bảo vệ môi trường, đồng thời thông báo cho các tàu và phòng ban Công ty có liên quan.
- + Điều tra và nghiên cứu các biện pháp phòng ngừa liên quan đến an ninh, an toàn hàng hải và bảo vệ môi trường.
- + Tham gia thực hiện công tác huấn luyện cho cán bộ Công ty và ghi lại những công việc đó.
- + Tham gia thực hiện đánh giá nội bộ hệ thống quản lý an ninh, an toàn tại Công ty và trên tàu.
- + Thực hiện các công việc xử lý tranh chấp trong các vụ việc có liên quan đến các sự cố, tai nạn của đội tàu và Hợp đồng thương vụ khác của Công ty.

Phòng Kỹ thuật vật tư

- + Kiểm tra, kiểm soát, lập và thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa đội tàu.
- + Điều tra các hư hỏng của con tàu bao gồm cả thân vỏ, máy móc thiết bị và mọi khiếu nại bảo hiểm phát sinh, bảo đảm các biện pháp phòng ngừa tái diễn.
- + Kiểm tra, kiểm soát và quản lý việc cung ứng vật tư kỹ thuật cho tàu.
- + Mua, quản lý và cấp cho tàu nhiên liệu, dầu nhớt, hóa chất.
- + Giải quyết các vấn đề không phù hợp liên quan đến kỹ thuật và vật tư.
- + Đánh giá chất lượng của các nhà cung cấp vật tư và nhiên liệu cho tàu.

Phòng kế toán:

- + Tham mưu cho Giám đốc thực hiện về chế độ kế toán, công tác quản lý tài chính của Công ty
- + Trực tiếp thực hiện các chế độ, chính sách kế toán, tài chính, thống kê; Lập kế hoạch và thực hiện công tác quản lý thu – chi hàng tháng, quý, năm đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả; cân đối nguồn thu, chi và điều hoà sử dụng vốn trong toàn Công ty tổng hợp công nợ phải thu – nợ phải trả và đề xuất xử lý theo quy định;
- + Xác định các chi phí, giá thành, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh
- + Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế; bảo quản, lưu trữ các chứng từ kế toán theo quy định;
- + Thực hiện thanh toán tiền lương và các chế độ khác cho người lao động;
- + Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa các bộ phận có liên quan nhằm đảm bảo tính thống nhất cao trong giải quyết công việc của Công ty.
- + Các nhiệm vụ khác theo Quy chế hoạt động của Phòng Kế toán – Tài vụ, Quy chế của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

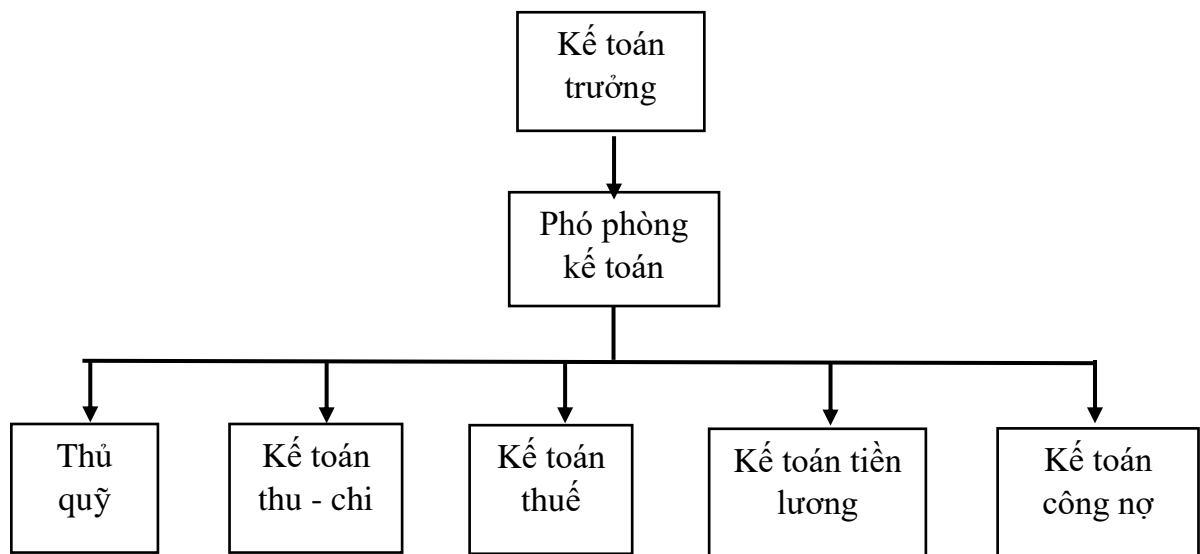
Phòng Nhân sự

- + Chịu trách nhiệm về việc thuê, tuyển dụng, sức khỏe và quyền lợi của thuyền viên.
- + Tổ chức cho thuyền viên nhập và rời tàu.
- + Phụ trách các vấn đề về tiền lương, đề bạt và các vấn đề khác.
- + Trực tiếp hoặc phối hợp với các phòng chức năng liên quan thực hiện những huấn luyện thiết yếu.
- + Thực hiện việc đánh giá các Công ty thuyền viên.
- + Tham gia thực hiện các công tác huấn luyện cán bộ Công ty và ghi lại các hoạt động đó.

2.1.4. Tổ chức kế toán tại Công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Công ty thực hiện chế độ kế toán thống kê trên cơ sở các chuẩn mực kế toán Việt Nam và những quy định pháp luật hiện hành khác tại Việt Nam. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt Nam và lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty

(Nguồn: Phòng quản lý nhân sự)

Kế toán trưởng:

- + Tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán phù hợp với công tác tổ chức kinh doanh theo yêu cầu tồn tại và phát triển của Công ty.
- + Tổ chức ghi chép tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả kinh doanh của Công ty.
- + Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ, kết quả kiểm kê tài sản hàng kỳ. Đề xuất xử lý các khoản hao hụt, mất mát, hư hỏng (nếu có).
- + Xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê và báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc.
- + Lập, tổng hợp đầy đủ và gửi đúng hạn báo cáo kế toán, thống kê và quyết toán tài chính của Công ty theo chế độ quy định.
- + Tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- + Nghiên cứu các chế độ chính sách trong lĩnh vực thuế, tài chính, thống kê, luật doanh nghiệp của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Công ty nhằm đưa ra cách thực hiện phù hợp.
- + Tổ chức phổ biến và hướng dẫn kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính, kế toán, thống kê hiện hành cho các cấp dưới và các bộ phận liên quan.
- + Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán của Công ty.
- + Theo dõi phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty. Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo tài chính kế toán trước Giám đốc và Cơ quan hữu trách.

Phó phòng kế toán:

- + Có nhiệm vụ thu chi và quản lý theo dõi các phân hoạch toán tổng hợp chi phí dịch vụ.
- + Kiểm tra các công việc do kế toán viên thực hiện.
- + Thay mặt Kế toán trưởng xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê và báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc.

- + Lập, tổng hợp đầy đủ gửi đúng hạn báo cáo kế toán, thống kê và quyết toán tài chính của Công ty theo chế độ quy định.
- + Thay mặt cho Kế toán trưởng, tổ chức phổ biến và hướng dẫn kịp thời các chế độ, thể lệ tài chính, kế toán, thống kê hiện hành cho cấp dưới và các bộ phận liên quan.
- + Thay mặt cho Kế toán trưởng, tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán.
- + Thay mặt cho Kế toán trưởng, giải thích một số số liệu báo cáo tài chính kế toán trước Ban Giám đốc và các cơ quan hữu trách khi cần thiết.

Thủ quỹ:

- + Thực hiện việc chi, thu tiền mặt theo chứng từ chi, thu do phòng phát hành theo quy định.
- + Quản lý tiền mặt tại quỹ, đảm bảo ăn toàn tiền.
- + Kiểm quỹ và lập báo cáo kiểm quỹ theo định kỳ.
- + Phát lương hàng tháng theo bảng lương cho từng bộ phận.
- + Rút hoặc nộp tiền qua ngân hàng khi có yêu cầu.
- + Chấp hành lệnh điều động, chỉ đạo của Kế toán trưởng, phó phòng kế toán.
- + Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán, bảo mật số liệu kế toán.

Kế toán thu – chi:

- + Thực hiện việc thu – chi theo chứng từ thu – chi do phòng phát hành theo quy định.
- + Quản lý việc tạm ứng và thanh toán tạm ứng cho từng đối tượng kế toán.
- + Chấp hành lệnh điều động, chỉ đạo của Kế toán trưởng, phó kế toán trưởng.
- + Kiểm tra việc thu – chi và lập báo cáo việc thu - chi theo định kỳ.
- + Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán, bảo mật số liệu kế toán.

Kế toán thuế:

- + Viết hóa đơn GTGT xuất giao hàng

- + Theo dõi hợp đồng, lập biên bản thanh lý hợp đồng của những hợp đồng đã ký kết.
- + Lập tờ khai thuế GTGT hàng tháng cho các nghiệp vụ phát sinh, kiểm tra và theo dõi tờ khai thuế GTGT hàng tháng của các đơn vị trực thuộc từ đó lên tờ khai GTGT tổng hợp cho toàn Công ty.
- + Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán, bảo mật số liệu kế toán.

Kế toán tiền lương:

- + Kiểm tra các tài liệu tính lương bảng kê ngày công, đơn giá vận chuyển.
- + Đối chiếu số liệu với bảng lương, lập bảng phân bổ và hoạch toán chi phí tiền lương.
- + Cập nhật kịp thời các chế độ phân bổ lương.
- + Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán, bảo mật số liệu kế toán.

Kế toán công nợ:

- + Cùng các kế toán khác đối chiếu các khoản công nợ phát sinh. Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các phát sinh này.
- + Báo cáo tình hình công nợ định kỳ hoặc chi tiết phục vụ cho công tác quyết toán.
- + Lập biên bản đối chiếu công nợ khi có yêu cầu và cuối mỗi niên kỳ kế toán.
- + Cung cấp số liệu tổng hợp hoặc chi tiết phục vụ cho công tác quyết toán.
- + Theo dõi tình hình phát sinh công nợ trong phạm vi quản lý quy định, chi tiết từng đối tượng. Phát hiện những bất hợp lý, mất cân đối, các hiện tượng nợ đọng, không có khả năng thu hồi báo cáo với Kế toán trưởng và Ban Giám đốc.
- + Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán, bảo mật số liệu kế toán.

2.1.4.2. Chế độ và chính sách kế toán của Công ty

- + Chế độ kế toán tại Công ty áp dụng theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
- + Kỳ kế toán là quy định về một chu kỳ của hoạt động kế toán.

- + Công ty áp dụng kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- + Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31/12 năm đó.
- + Đơn vị tiền tệ: Tiền Việt Nam (VNĐ)

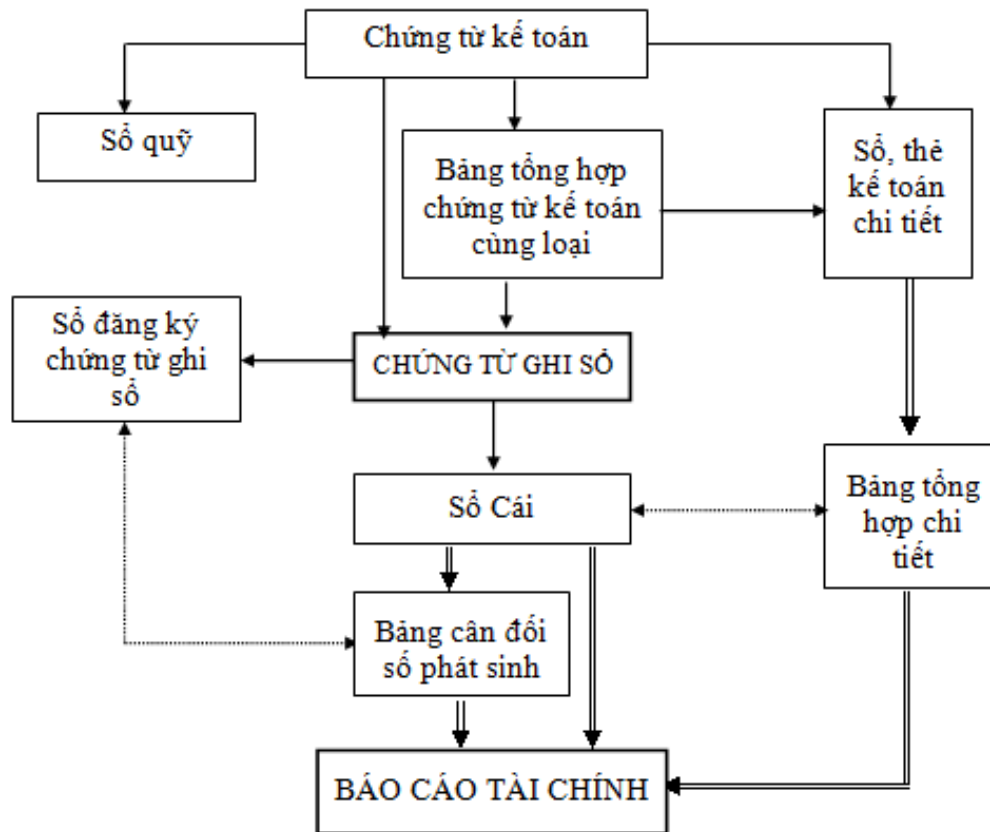
2.1.4.3. Hình thức tổ chức kế toán của Công ty

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên hóa đơn. Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và yêu cầu hạch toán tại đơn vị mà hiện nay Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ với hệ thống sổ sách sử dụng tương đối phù hợp với chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

Hệ thống sổ công ty sử dụng bao gồm: Sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Trong đó sổ tổng hợp gồm: Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái. Sổ chi tiết gồm: sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- + **Chứng từ ghi sổ:** dùng phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
- + **Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ:** dùng để phản ánh chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian, số hiệu lập hứng từ ghi sổ và ngày tháng lập chứng từ ghi sổ.
- + **Sổ cái:** dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ và trong một niên độ kế toán theo các tài khoản kế toán được quy định trong chế độ tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp.

Sổ kế toán được mở vào đầu kỳ kế toán năm. Việc ghi sổ kế toán được căn cứ vào chứng từ đã được kiểm tra đảm bảo quy định về chứng từ kế toán, chứng từ hợp pháp, hợp lý. Cuối kỳ kế toán thực hiện khóa sổ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính, trong trường hợp kiểm kê hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.



- Ghi chú:**
- > : Ghi hàng ngày
 - =====> : Ghi cuối tháng
 - >< : Đối chiếu

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán

Trình tự ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ, sau đó dùng để ghi vào sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ks chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên sổ Cái. Căn cứ vào sổ Cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

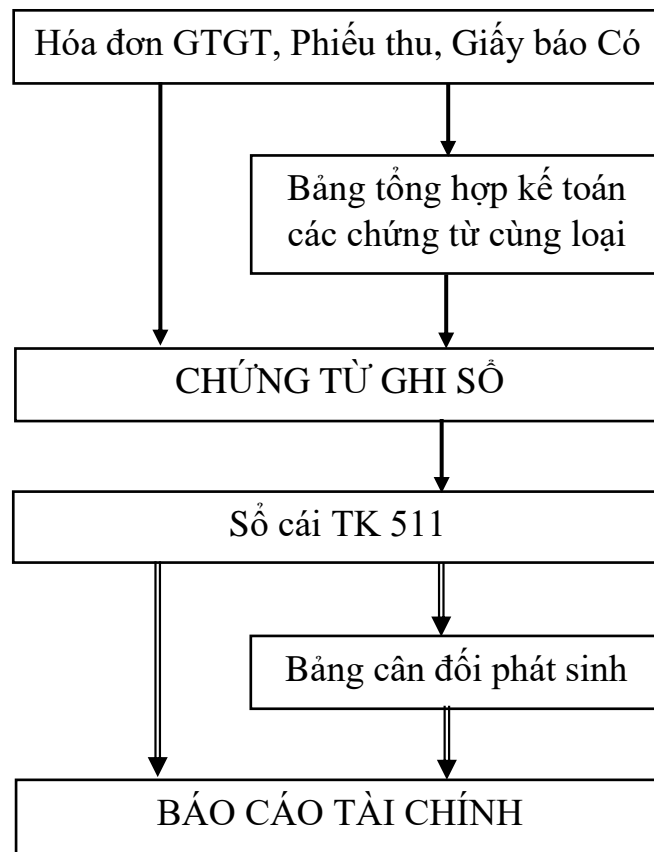
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131, ...

2.2.1.3. Quy trình hạch toán



Ghi chú: \longrightarrow : Ghi hàng ngày

\Longrightarrow : Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.4: Quy trình hoạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Công ty

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, kế toán tổng hợp các chứng từ cùng loại rồi phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Chứng từ ghi sổ. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Chứng từ ghi sổ vào sổ cái tài khoản 511,131...

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tài khoản có liên quan kế toán kiểm tra bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

2.2.1.4. Ví dụ thực tế tại Công ty

Ví dụ 1: Ngày 25 tháng 12 năm 2019 Công ty TNHH thương mại vận tải quốc tế Hoàng Dương thanh toán tiền dịch vụ môi giới mua bán tàu Hùng Cường số tiền 100.000.000 đồng (chưa VAT), chưa thanh toán.

Định khoản:

Nợ TK 131: 110.000.000

Có TK 511: 100.000.000

Có TK 3331: 10.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán viết hóa đơn GTGT số 0000254 (biểu số 2.1). Kế toán vào bảng kê chứng từ cùng loại số 05/12 (biểu số 2.3), sổ chứng từ ghi sổ số 05/12 (biểu số 2.4) và sổ cái TK 511 (biểu số 2.5)

Ví dụ 2: Ngày 26 tháng 12 năm 2019 Công ty cổ phần vận tải thủy Vinacomic thanh toán tiền thuê tàu Windy 323, sà lan Windy 901 vận chuyển than từ cảng Cửa Ông, Cẩm Phả đến cảng nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1, Bình Thuận, số tiền 1.614.382.200 đồng (chưa VAT), chưa thanh toán.

Định khoản:

Nợ TK 131: 1.775.820.420

Có TK 511: 1.614.382.200

Có TK 3331: 161.438.220

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán viết hóa đơn GTGT số 0000256 (biểu số 2.2). Kế toán vào bảng kê chứng từ cùng loại số 05/12 (biểu số 2.3), sổ chứng từ ghi sổ số 05/12 (biểu số 2.4) và sổ cái TK 511 (biểu số 2.5)

Biểu số: 2.1 – Hóa đơn GTGT số 0000254

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT0/001			
Liên 3 : Nội bộ		Ký hiệu: AA/19P			
Ngày 25 tháng 12 năm 2019		Số: 0000254			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn					
Mã số thuế: 0201305153.....					
Địa chỉ: lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng					
Điện thoại: 0316.559.455.....					
Số tài khoản: 19128672392079 tại NH Techcombank – CN Lê Hồng Phong					
Tên người mua: Lê Thị Huyền.....					
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH thương mại vận tải quốc tế Hoàng Dương					
Mã số thuế: 0201626397.....					
Địa chỉ: lô 16D, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Q. Hải An, TP Hải Phòng					
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Dịch vụ môi giới mua bán tàu Hùng Cường				100.000.000
Cộng tiền hàng:					100.000.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT:		10.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					110.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số: 2.2 – Hóa đơn GTGT số 0000256

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT0/001			
Liên 3 : Nội bộ		Ký hiệu: AA/19P			
Ngày 26 tháng 12 năm 2019		Số: 0000256			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn					
Mã số thuế: 0201305153.....					
Địa chỉ: lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng					
Điện thoại: (08) 62582330.....					
Số tài khoản: 19128672392079 tại NH Techcombank – CN Lê Hồng Phong					
Tên người mua: Lê Thị Huyền.....					
Đơn vị mua hàng: Công ty cổ phần vận tải thủy Vinacomin					
Mã số thuế: 5700647458.....					
Địa chỉ: số 108 Lê Thánh Tông, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cước vận chuyển than tàu Windy 323, sà lan Windy 901 từ cảng Cửa Ông, Cẩm Phả đến cảng nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1, Bình Thuận ngày 26 tháng 12 năm 2019	Tấn	8.968,790	180.000	1.614.382.200
Cộng tiền hàng:					1.614.382.200
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT:		161.538.220
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.775.820.420
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm bảy mươi năm triệu, tám trăm hai mươi ngàn, bốn trăm hai mươi đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.3 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 05/12

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ngày 31/12/2019

Số: 05/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 131, ghi có các TK			
SH	NT		TK 333	TK 511	...	Cộng
		...				
BC466	25/12	Công ty Hoàng Dương thanh toán tiền dịch vụ	10.000.000	100.000.000		110.000.000
BC467	26/12	Công ty CPVTT Vinacomic thanh toán tiền dịch vụ	161.538.220	1.614.382.200		1.775.820.420
		...				
		Cộng	292.563.556	2.925.635.560		3.106.925.689

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.4 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 05/12

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2019

Số: 05/12

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải	TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...			...	
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ chưa thanh toán phát sinh trong tháng	131	511	2.925.635.560	
Tổng thuế GTGT đầu ra phải nộp phát sinh trong tháng chưa thanh toán	131	333	292.563.556	
...				
Cộng			3.106.925.689	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số : 2.5 – Trích sổ cái TK 511

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Năm 2019

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
					
31/12	03/12	31/12	Tổng DT cung cấp dịch vụ chưa thanh toán phát sinh trong tháng 12	131		2.925.635.560
31/12	52/12	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	30.714.382.200	
			Cộng phát sinh		30.714.382.200	30.714.382.200
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

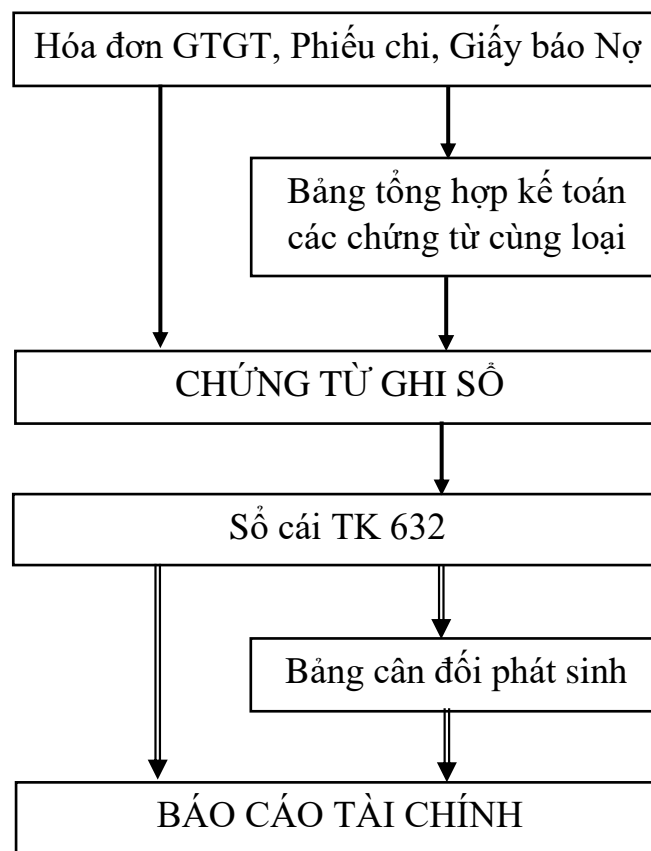
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, ...

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 331, ...

2.2.2.3. Quy trình hạch toán



Ghi chú: \longrightarrow : Ghi hàng ngày

\Longrightarrow : Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, kế toán tổng hợp các chứng từ cùng loại rồi phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Chứng từ ghi sổ. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Chứng từ ghi sổ vào sổ cái tài khoản 632, 331...

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tài khoản có liên quan kế toán kiểm tra bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

2.2.2.3. Ví dụ minh họa

Ví dụ 3: Ngày 25 tháng 12 năm 2019 Công ty thuê tàu Windy 323, sà lan Windy 901 vận chuyển than từ cảng Cửa Ông, Cẩm Phả đến cảng Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1, Bình Thuận, số tiền 1.589.921.864 đồng (chưa VAT), thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 632: 1.589.921.864

Nợ TK 133: 158.992.186

Có TK 331: 1.748.914.050

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên, hợp đồng vận chuyển hàng hóa và hóa đơn GTGT số 0000351 (biểu số 2.6). Kế toán vào bảng kê chứng từ cùng loại số 08/12 (biểu số 2.7), sổ chứng từ ghi sổ số 08/12 (biểu số 2.8) và sổ cái TK 632 (biểu số 2.9)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

Số: 11012019/HĐVC.ĐT-CL

- Căn cứ Pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25-9-1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 17/HĐBT ngày 16-01-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2019 tại Công ty cổ phần dịch vụ - vận tải dầu khí Cửu Long.

Chúng tôi gồm có:

Bên A: Chủ hàng

- Tên cơ quan : Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
- Địa chỉ: lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng
- Điện thoại: 0201305153
- Tài khoản số: 19128672392079 Mở tại ngân hàng: Techcombank
- Đại diện là Ông (Bà): Vũ Minh Tân
- Chức vụ: Giám đốc

Bên B: Bên chủ phương tiện

- Tên cơ quan : Công ty cổ phần dịch vụ - vận tải dầu khí Cửu Long
- Địa chỉ: 186 Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 62582330
- Tài khoản số: 04001010064323 Mở tại ngân hàng: Maritime Bank
- Đại diện là Ông (Bà): Đặng Thanh Hải
- Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Hàng hóa vận chuyển

1. Tên hàng: Bên A thuê bên B vận tải những hàng hóa sau:

Than dùng trong nhà máy nhiệt điện

2. Tính chất hàng hóa:

Bên B cần lưu ý bảo đảm cho bên A những loại hàng sau được an toàn:

- 8.968,790 tấn hàng cần bảo quản không để biến chất, nguy hiểm cần che đậy hoặc để riêng

3. Đơn vị tính đơn giá cước

Số tiền bên B phải trả cho bên A là 1.748.914.050 đồng.

Điều 2: Địa điểm nhận hàng và giao hàng

1/ Bên B đưa phương tiện đến nhận hàng tại (kho hàng) 5B nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1, Bình Phước do bên A giao.

2/ Bên B giao hàng cho bên A tại địa điểm 15A cảng nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1, Bình Phước .

.....

Điều 8: Giải quyết hao hụt hàng hóa

1/ Nếu hao hụt theo quy định dưới mức 2% tổng số lượng hàng thì bên B không phải bồi thường (mức này có quy định của Nhà nước phải áp dụng theo, nếu không hai bên tự thỏa thuận).

2/ Hao hụt trên tỷ lệ cho phép thì bên B phải bồi thường cho bên A theo giá trị thị trường tự do tại nơi giao hàng (áp dụng cho trường hợp bên A không cử người áp tải).

3/ Mọi sự kiện mất hàng bên A phải phát hiện và lập biên bản trước và trong khi giao hàng, nếu đúng thì bên B phải ký xác nhận vào biên bản, nhận hàng xong nếu bên A báo mất mát, hư hỏng bên B không chịu trách nhiệm bồi thường.

Hai bên thỏa thuận: Hợp đồng này được hai bên thỏa thuận đi đến ký kết. Nếu bên nào sai bên đó chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hợp đồng được lập thành hai bản mỗi bên giữ một bản. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.

Hồ Chí Minh, Ngày 25 tháng 12 năm 2019

Đại diện bên A
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đại diện bên B
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số: 2.6 – Hóa đơn GTGT số 0000351

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 : Giao khách hàng Ngày 25 tháng 12 năm 2019			Mẫu số: 01GTKT0/001 Ký hiệu: AA/19P Số: 0000351		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần dịch vụ - vận tải dầu khí Cửu Long Mã số thuế: 0305020272..... Địa chỉ: 186 Điện Biên Phủ, Phường 06, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh Điện thoại: (08) 62582330..... Số tài khoản: 04001010064323 tại Maritime Bank – CN TP.HCM					
Tên người mua: Lê Thị Hoài..... Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn Mã số thuế: 0201305153..... Địa chỉ: lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Q. Hải An, TP Hải Phòng Hình thức thanh toán : Chuyển khoản					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cước vận chuyển than tàu Windy 323, sà lan Windy 901 từ cảng Cửa Ông, Cẩm Phả đến cảng nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1, Bình Thuận	Tấn	8.968,790	177.272,7273	1.589.821.864
Cộng tiền hàng:					1.589.821.864
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT:		158.992.186
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.748.914.050
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm mười bốn ngàn, không trăm năm mươi đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số: 2.7 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 08/12

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ngày 31/12/2019

Số: 08/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 331, ghi nợ các TK			
SH	NT		TK 133	TK 632	...	Cộng
		...				
BC466	25/12	Thuê dịch vụ của Công ty Cửu Long	158.992.186	1.589.821.864		1.748.914.050
		Cộng	211.634.545	2.116.345.450		2.985.668.927

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.8 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 08/12

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2019

Số: 08/12

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải	TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...				
Tổng giá vốn cung cấp dịch vụ chưa thanh toán phát sinh trong tháng	331	632	2.116.345.450	
Tổng thuế GTGT được khấu trừ chưa thanh toán phát sinh trong tháng	331	133	211.634.545	
Cộng			2.985.668.927	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.9 – Trích sổ cái TK 632

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Mẫu số S03b-DNN

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Năm 2019

Tên TK : Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
					
31/12	08/12	31/12	Tổng giá vốn cung cấp dịch vụ chưa thanh toán phát sinh trong tháng 12	331	2.116.345.450	
31/12	53/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		28.589.921.864
			Cộng phát sinh		28.589.921.864	28.589.921.864
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

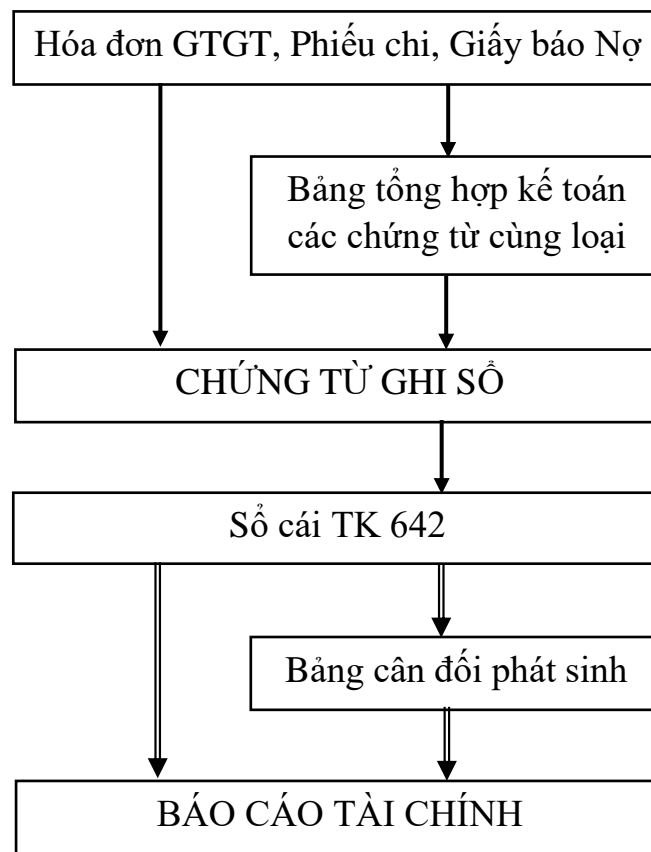
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán lương
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ liên quan

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 331, ...

2.2.3.3. Quy trình hạch toán



Ghi chú: \longrightarrow : Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow : Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, kế toán tổng hợp các chứng từ cùng loại rồi phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Chứng từ ghi sổ. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Chứng từ ghi sổ vào sổ cái tài khoản 642, 331...

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tài khoản có liên quan kế toán kiểm tra bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

2.2.3.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ 4: Ngày 12 tháng 12 năm 2019 Công ty mua văn phòng phẩm: Giấy Double các loại, bút xóa, băng xóa, dao hết 1.045.000 đồng (bao gồm VAT)

Định khoản:

Nợ TK 642: 950.000

Nợ TK 133: 95.000

Có TK 111: 1.045.000

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và hóa đơn GTGT số 0000071 (biểu số 2.10). Kế toán lập phiếu chi số PC236 (biểu số 2.11), vào bảng kê chứng từ cùng loại số 02/12 (biểu số 2.14), sổ chứng từ ghi sổ số 02/12 (biểu số 2.15) và sổ cái TK 642 (biểu số 2.16)

Ví dụ 5: Ngày 28 tháng 12 năm 2019 Công ty thanh toán tiền dịch vụ viễn thông, số tiền 1.679.857 đồng (bao gồm VAT), thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ TK 642: 1.531.688

Nợ TK 133: 148.169

Có TK 111: 1.679.857

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và hóa đơn dịch vụ viễn thông số 1751926 (biểu số 2.12). Kế toán lập phiếu chi số PC237 (biểu số 2.13), vào bảng kê chứng từ cùng loại số 02/12 (biểu số 2.14), sổ chứng từ ghi sổ số 02/12 (biểu số 2.15) và sổ cái TK 642 (biểu số 2.16)

Biểu số: 2.10 – Hóa đơn GTGT số 0000071

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 : Giao khách hàng Ngày 12 tháng 12 năm 2019			Mẫu số: 01GTKT0/001 Ký hiệu: NP/19P Số: 0000071		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại quốc tế Nam Phong Mã số thuế: 0201286334..... Địa chỉ: 37/389 Lê Lợi, P. Lê Lợi, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng Điện thoại: 0225.3760 116..... Số tài khoản: 0031000274223 tại Ngân hàng Vietcombank, CN Hải Phòng					
Tên người mua: Lê Thị Hoài..... Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn Mã số thuế: 0201305153..... Địa chỉ: lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Q. Hải An, TP Hải Phòng Hình thức thanh toán : Tiền mặt					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Giấy Double A1	Ream	10	58.000	580.000
2	Giấy Double A5	Ream	10	30.000	300.000
3	Bút xóa	Cái	2	16.000	32.000
4	Băng xóa	Cái	1	18.000	18.000
5	Dao	Cái	1	20.000	20.000
Cộng tiền hàng:					950.000
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT:		95.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.045.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu không trăm bốn mươi năm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số: 2.11 – Phiếu chi số PC236

Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Quyển số: 02

Ngày 12 tháng 12 năm 2019

Số : PC236

Nợ TK 642, 133:

Có TK 111:

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thị Hoài

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Lý do chi: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.045.000

Viết bằng chữ: Một triệu, không trăm bốn mươi năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số: 2.12 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông số 1751926

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Mẫu số: 01GTKT0/001 Ký hiệu: AB/19E Số: 1751926			
Mã số thuế: 0106869738-056.....					
Trung tâm kinh doanh VNPT – Hải Phòng, Chi nhánh tổng Công ty dịch vụ viễn thông Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, P. Lạch Tray, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng					
Tên khách hàng: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn Địa chỉ: lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Q. Hải An, TP Hải Phòng Số điện thoại: 84911319055 Mã số: HPG-01-565389(DAHAI) Hình thức thanh toán : Tiền mặt Mã số thuế: 0201305153					
TT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	Kỳ cước tháng 12/2019				
1	Cước dịch vụ viễn thông				1.481.688
2	Cước dịch vụ viễn thông không thuế				72.273
3	Chiết khấu + đa dịch				0
4	Khuyến mại				22.273
5	Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				
Cộng tiền hàng:					1.531.688
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT:		148.169
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.679.857
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi bảy đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số: 2.13 – Phiếu chi số PC237

Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT

*(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)*

PHIẾU CHI

Quyển số: 02

Ngày 28 tháng 12 năm 2019

Số : PC237

Nợ TK 642, 133:

Có TK 111:

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thị Hoài

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Lý do chi: Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông

Số tiền: 1.679.857

Viết bằng chữ: Một triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi bảy đồng.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Ngày 28 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số: 2.14 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 02/12

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ngày 31/12/2019

Số: 02/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111, ghi nợ các TK			
SH	NT		TK 133	TK 642	...	Cộng
					
PC236	12/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	95.000	950.000		1.045.000
PC237	28/12	Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông	148.169	1.531.688		1.679.857
		...				
		Cộng	259.452	3.264.876		5.689.496

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.15 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 02/12

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2019

Số: 02/12

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải	TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...				
Tổng tiền chi phí dịch vụ phát sinh trong tháng	642	111	3.264.876	
Tổng thuế GTGT được khấu trừ phát sinh trong tháng	133	111	259.452	
Cộng			5.689.496	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.16 – Trích sổ cái TK 642

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Mẫu số S03b-DNN

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Năm 2019

Tên TK : Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
					
31/12	02/12	31/12	Tổng tiền chi phí dịch vụ phát sinh trong tháng	111	3.264.876	
31/12	53/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		1.208.036.688
			Cộng phát sinh		1.208.036.688	1.208.036.688
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn, doanh thu hoạt động tài chính gồm có lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia, ...

Trong năm 2019, Công ty không phát sinh các khoản chi phí tài chính.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

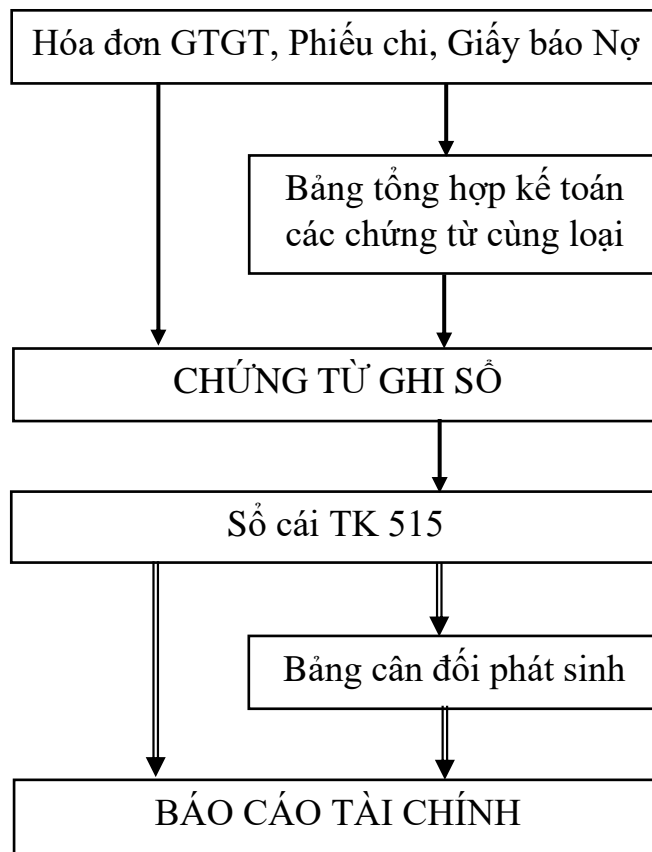
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí tài chính vào sổ Chứng từ ghi sổ. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Chứng từ ghi sổ vào sổ cái tài khoản 515

Cuối kỳ căn cứ vào sổ cái tài khoản có liên quan kế toán kiểm tra bảng cân đối phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.



Ghi chú: \longrightarrow : Ghi hàng ngày

\Longrightarrow : Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.7: Quy trình hoạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 6: Ngày 28 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi tháng 03 năm 2019, số tiền 122.883 đồng.

Định khoản:

Nợ TK 112: 122.883

Có TK 515: 122.883

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên và giấy báo có của Ngân hàng ngày 26/12/2019 (biểu số 2.17). Kế toán vào bảng kê chứng từ cùng loại số 03/12 (biểu số 2.18), sổ chứng từ ghi sổ số 03/12 (biểu số 2.19) và sổ cái TK 515 (biểu số 2.20)

Ngân hàng Techcombank

Mã GDV:

Chi nhánh: Techcombank – CN LHP – HP

Mã KH: 45056

Số GD:

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 26-12-2019

Kính gửi: **Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn**

Mã số thuế: 0201305153

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 19128672392079

Số tiền bằng số: 122.883

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm tám mươi ba đồng

Nội dung: # Lãi nhập vốn #

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số: 2.18 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 03/12

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ngày 31/12/2019

Số: 03/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112, ghi có các TK			
SH	NT		TK 131	TK 515	...	Cộng
		...				
BC457	26/12	Công ty Vinacomic thanh toán tiền dịch vụ	1.214.516.300			1.214.516.300
		...				
BC475	28/12	Lãi tiền gửi tháng 12		122.883		
		Cộng	1.925.635.560	122.883		2.106.925.689

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.19 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 03/12

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, TP Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2019

Số: 03/12

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải	TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...				
Tổng tiền dịch vụ thu được trong tháng	112	131	1.925.635.560	
Lãi tiền gửi tháng 12	112	515	122.883	
Cộng			2.106.925.689	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.20 – Trích sổ cái TK 515

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Năm 2019

Tên TK : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
					
31/07	03/12	31/07	NH trả lãi tiền gửi T7	112		116.934
					
31/12	03/12	31/12	NH trả lãi tiền gửi T12	112		122.883
31/12	53/12	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	1.362.648	
			Cộng phát sinh		1.362.648	1.362.648
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2019, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

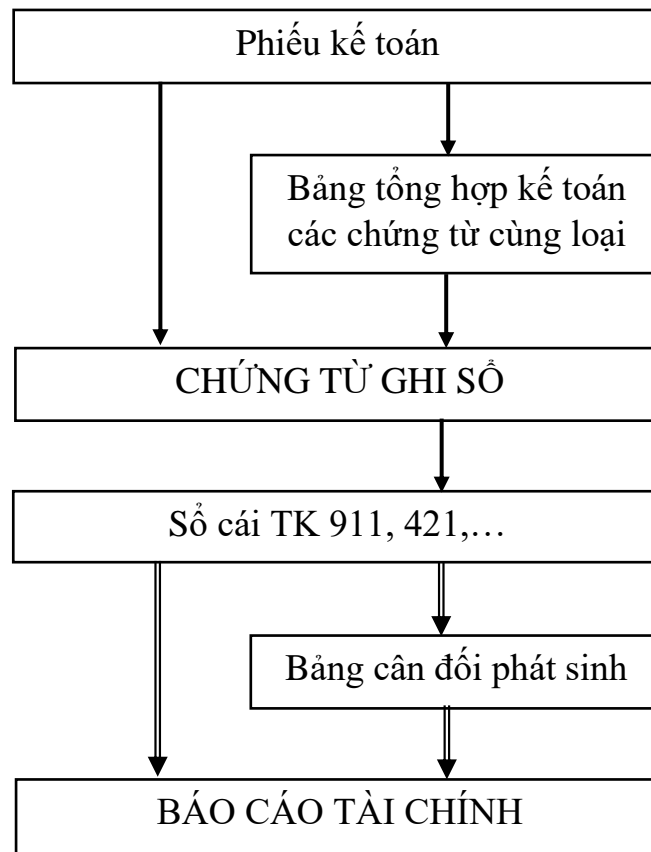
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.6.3. Quy trình hạch toán



Ghi chú: \longrightarrow : Ghi hàng ngày

\Longrightarrow : Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Khóa luận tốt nghiệp

Cuối năm căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, kế toán lập các phiếu kế toán để ghi vào Chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 911. Khi đó:

$$\text{Lợi nhuận trước thuế} = (30.714.382.200 + 1.362.648) - (28.589.921.864 + 1.208.036.688)$$

$$= 917.786.296$$

$$\text{Thuế TNDN} = 917.786.296 \times 20\%$$

$$= 183.557.259$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 917.786.296 - 183.557.259$$

$$= 734.229.037$$

Biểu số: 2.21 – Phiếu kế toán số 75

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 75

Ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: đồng

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	511	911	30.714.382.200	Kết chuyển doanh thu dịch vụ	
2	515	911	1.362.648	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	
	Tổng cộng		30.715.744.848		

Người lập
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số: 2.22 – Phiếu kế toán số 76

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 76

Ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: đồng

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	632	28.589.921.864	Kết chuyển giá vốn hàng bán	
2	911	642	1.208.036.688	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	
	Tổng cộng		29.797.958.552		

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số: 2.23 – Phiếu kế toán số 77

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 77

Ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: đồng

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	821	3334	183.557.259	Xác định thuế TNDN phải nộp	
	Tổng cộng		183.557.259		

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số: 2.24 – Phiếu kế toán số 78

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 78

Ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: đồng

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	821	183.557.259	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	
	Tổng cộng		183.557.259		

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số: 2.25 – Phiếu kế toán số 79

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 79

Ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: đồng

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	421	734.229.037	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	
	Tổng cộng		734.229.037		

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số: 2.26 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 52/12

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Tháng 12/2019

Số: 52/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 911, ghi nợ các TK		
SH	NT		TK 511	TK 515	Cộng
PKT75	31/12	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	30.714.382.200		30.714.382.200
PKT75	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính		1.362.648	1.362.648
		Cộng	30.714.382.200	1.362.648	30.715.744.848

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.27 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 52/12

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2019

Số: 52/12

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải	TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	511	911	30.714.382.200	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.362.648	
Cộng			30.715.744.848	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.28 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 53/12

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Tháng 12/2019

Số: 53/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 911, ghi nợ các TK		
SH	NT		TK 632	TK 642	Cộng
PKT76	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	28.589.921.864		28.589.921.864
PKT76	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh		1.208.036.688	1.208.036.688
		Cộng	28.589.921.864	1.208.036.688	29.797.958.552

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.29 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 53/12

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2019

Số: 53/12

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải	TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	911	28.589.921.864	
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	911	1.208.036.688	
Cộng			29.797.958.552	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.30 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 54/12

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Tháng 12/2019

Số: 54/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 821, ghi có các TK	
SH	NT		TK 3334	Cộng
PKT77	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	183.557.259	183.557.259
		Cộng	183.557.259	183.557.259

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.31 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 54/12

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2019

Số: 54/12

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải	TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	183.557.259	
Cộng			183.557.259	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.32 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 55/12

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Tháng 12/2019

Số: 55/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 821, ghi nợ các TK	
SH	NT		TK 911	Cộng
PKT78	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	183.557.259	183.557.259
		Cộng	183.557.259	183.557.259

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.33 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 55/12

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2019

Số: 55/12

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải	TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	911	183.557.259	
Cộng			183.557.259	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.34 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 56/12

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Tháng 12/2019

Số: 56/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 821, ghi có các TK	
SH	NT		TK 3334	Cộng
PKT79	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	734.229.037	734.229.037
		Cộng	734.229.037	734.229.037

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.35 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 56/12

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2019

Số: 56/12

Đơn vị tính: Đồng

TT	Diễn giải	TK		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	734.229.037	
	Cộng			734.229.037	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.36 – Trích sổ cái TK 911

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Mẫu số S03b-DNN

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Năm 2019

Tên TK : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31/12	52/12	31/12	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	511		30.714.382.200
31/12	52/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.362.648
31/12	53/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	28.589.921.864	
31/12	53/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	1.208.036.688	
31/12	55/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	183.557.259	
31/12	56/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	734.229.037	
			Cộng phát sinh		30.715.744.848	30.715.744.848
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.37 – Trích sổ cái TK 821

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Mẫu số S03b-DNN

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Năm 2019

Tên TK : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31/12	54/12	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	3334	183.557.259	
31/12	55/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		183.557.259
			Cộng phát sinh		183.557.259	183.557.259
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 2.38 – Trích sổ cái TK 421

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Mẫu số S03b-DNN

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Năm 2019

Tên TK : Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			<u>250.617.334</u>
31/12	56/12	31/12	Kết chuyển lãi	911		734.229.037
			Cộng phát sinh		558.362.597	734.229.037
			<u>Số dư cuối năm</u>			<u>426.483.774</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI BIỂN ĐỨC TUẤN

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Trong điều kiện kinh tế thị trường đầy thử thách như hiện nay, tìm được hướng đi đúng đắn, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, có lãi, tự chủ về tài chính là điều kiện tồn tại và phát triển doanh nghiệp. Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn là một công ty vừa và nhỏ. Hoạt động chính là cung cấp dịch vụ, chuyên chở hàng hóa. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường nhưng Công ty đang thu hút được nhiều khách hàng trong thành phố đến các tỉnh thành.

Nhận thức được điều đó nên ngay từ những ngày đầu bước vào kinh doanh với nỗ lực và phấn đấu của ban lãnh đạo và các cán bộ công nhân viên của toàn Công ty đã và đang khẳng định mình trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Công ty đã không ngừng mở rộng quy mô kinh doanh cả chiều rộng và chiều sâu để từng bước chiếm lĩnh thị trường và nâng cao uy tín của Công ty. Đó là một quá trình phấn đấu liên tục của ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên của Công ty. Nó trở thành đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

Việc vận dụng sang tạo các quy luật kinh tế thị trường đồng thời thực hiện chủ trương cải tiến quản lý kinh tế của Nhà nước nên Công ty đã đạt được những thành tựu, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước và phát triển hiệu quả, không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

3.1.1. Ưu điểm

- Về bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc phân công lao động tại phòng kế toán đang dần cụ thể hơn và đi vào ổn định. Kế toán các phần hành và kế toán

tổng hợp phối hợp nhịp nhàng với nhau trong công tác kế toán tại công ty cũng như có mối quan hệ với các phòng ban chức năng khác. Bộ máy kế toán thực hiện các chức năng của mình khá tốt, thường xuyên cập nhật, phản ánh trung thực, hợp lý các thông tin kế toán. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin cho cấp lãnh đạo.

- Đội ngũ nhân viên kế toán là những người có trình độ cao, khả năng độc lập, tinh thần trách nhiệm, đáp ứng cả về mặt số lượng cũng như chất lượng. Các cán bộ kế toán đều đã trải qua đào tạo đại học chính quy hoặc tại chức, trình độ và kinh nghiệm đều đáp ứng cho nhu cầu công việc. Số lượng người thực hiện công việc được phân công trên cơ sở độ phức tạp, quan trọng cũng như tính chất thường xuyên của các nghiệp vụ, ngoài ra còn căn cứ vào năng lực, kinh nghiệm của từng người. Mặt khác, Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các kế toán viên trong bộ máy kế toán. Kế toán trưởng luôn nắm bắt tình hình thực hiện và hướng dẫn các nhân viên kế toán thực hiện đúng chế độ chính sách của Nhà nước.

- Việc sử dụng hệ thống chứng từ nhìn chung Công ty đã thực hiện tốt quy định về hoá đơn, chứng từ ban đầu. Căn cứ vào chế độ chứng từ kế toán Nhà nước ban hành và nội dung các hoạt động kinh tế cũng như yêu cầu quản lý các hoạt động đó, Công ty đã xây dựng cho mình một hệ thống mẫu biểu chứng từ phù hợp, quy định việc ghi chép các hoạt động kinh tế vào từng biểu mẫu chứng từ kế toán cụ thể. Các chứng từ ban đầu này sau khi kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ mới được sử dụng làm căn cứ để ghi sổ. Quá trình lập và luân chuyển chứng từ đã đảm bảo cho công tác kế toán của công ty được thực hiện một cách kịp thời, chính xác.

- Hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản của công ty đều tuân thủ chế độ, nguyên tắc quy định. Hệ thống tài khoản của Công ty được mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2 một cách phù hợp cho thuận tiện trong việc theo dõi và được áp dụng một cách thống nhất.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những mặt đã làm được ở trên Công ty vẫn còn tồn tại những hạn chế

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty nói chung cũng như phòng kế toán nói riêng còn chưa thực sự hợp lý. Do vậy mà không phát huy hết những tiềm lực vốn có của Công ty.

- Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty chưa mở các sổ chi tiết và sổ tổng hợp cho từng công tác kế toán, điều này gây khó khăn cho việc theo dõi tình hình kinh doanh của Công ty và việc đối chiếu sổ sách kế toán.

- Về việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng:

Hiện nay Công ty không có nhiều chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như: chiết khấu thương mại,... Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách, thu hút được nhiều khách hàng nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

- Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Bước sang thế kỷ 21 của công nghệ thông tin đòi hỏi các doanh nghiệp phải bắt kịp những thông tin thị trường. Vì vậy đòi hỏi các Công ty phải hiện đại hóa mạng lưới thông tin. Trên thực tế Công ty chưa đáp ứng được yêu cầu này. Hệ thống máy tính công ty còn nghèo nàn, Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hoạch toán.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty

Việc quản lý doanh thu, giá vốn và chi phí ngày càng yêu cầu khắt khe hơn. Ngoài việc xác nhận tính chính xác và đáng tin cậy của các thông tin liên quan đến phần việc của kế toán chi tiết thì kế toán trưởng của Công ty còn có trách nhiệm tư vấn cho Giám đốc các thông tin ,tài chính thông qua các con số được phản ánh trên từng loại sổ.

Dưới đây là mẫu sổ chi tiết các tài khoản theo Thông tư 133:

Biểu số: 3.1 – Sổ chi tiết tài khoản

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản:

Đối tượng:

Tháng 12/2019

Đơn vị: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh trong kỳ			
			...			
			Cộng số phát sinh	x		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>	x	x	x

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 3.2 – Sổ chi tiết tài khoản 511

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511

Đối tượng: Cho thuê tàu

Tháng 12/2019

Đơn vị: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
26/12	BC467	26/12	Cước vận chuyển tàu Windy 323, sà lan Windy 901	131		1.614.382.200
31/12	PKT65	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	1.614.382.200	
			Cộng số phát sinh		1.614.382.200	1.614.382.200
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 3.3 – Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU

Tháng 12/2019

Đơn vị: đồng

STT	Tên dịch vụ	Doanh thu dịch vụ	
		Nợ	Có
1	Cho thuê tàu		1.614.382.200
2	Môi giới		100.000.000
		
	Cộng	2.925.635.560	2.925.635.560

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 3.4 – Sổ chi tiết tài khoản 632

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632

Đối tượng: Cho thuê tàu

Tháng 12/2019

Đơn vị: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
26/12	BC467	26/12	Cước vận chuyển tàu Windy 323, sà lan Windy 901	331	1.589.821.864	
31/12	PKT66	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		1.589.821.864
			Cộng số phát sinh		1.589.821.864	1.589.821.864
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 3.5 – Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn
Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tháng 12/2019

Đơn vị: đồng

STT	Tên dịch vụ	Giá vốn dịch vụ	
		Nợ	Có
1	Cho thuê tàu		1.589.821.864
	...		
	Cộng	2.116.345.450	2.116.345.450

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc thanh toán cho người mua hàng do họ đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

Chỉ hạch toán vào tài khoản này khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm vào giá bán trên “Hóa đơn (GTGT)” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trên hoá đơn thể hiện rõ dòng ghi Chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.

Ví dụ : Ngày 26 tháng 12 năm 2019 Công ty cổ phần vận tải thủy Vinacomic thanh toán tiền thuê tàu Windy 323, sà lan Windy 901 vận chuyển than từ cảng Cửa Ông, Cẩm Phả đến cảng nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1, Bình Thuận, số tiền 1.614.382.200 đồng (chưa VAT), thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Được hưởng chiết khấu 2%.

Định khoản:

Nợ TK 112: 1.775.820.420

Có TK 511: 1.614.382.200

Có TK 3331: 161.438.220

Nợ TK 511: 32.287.644

Nợ TK 3331: 3.228.764

Có TK 112: 35.516.408

Biểu số: 3.6 – Hóa đơn GTGT số 0000256

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT0/001			
Liên 3 : Nội bộ		Ký hiệu: AA/19P			
Ngày 26 tháng 12 năm 2019		Số: 0000256			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn					
Mã số thuế: 0201305153.....					
Địa chỉ: lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng					
Điện thoại: (08) 62582330.....					
Số tài khoản: 19128672392079 tại NH Techcombank – CN Lê Hồng Phong					
Tên người mua: Lê Thị Huyền.....					
Đơn vị mua hàng: Công ty cổ phần vận tải thủy Vinacomin					
Mã số thuế: 5700647458.....					
Địa chỉ: số 108 Lê Thánh Tông, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cước vận chuyển than tàu Windy 323, sà lan Windy 901 từ cảng Cửa Ông, Cẩm Pha đến cảng nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1, Bình Thuận ngày 26 tháng 12 năm 2019	Tấn	8.968,790	180.000	1.614.382.200
Cộng tiền hàng:					1.614.382.200
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT:		161.538.220
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.775.820.420
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm bảy mươi năm triệu, tám trăm hai mươi ngàn, bốn trăm hai mươi đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Biểu số: 3.7 – Trích bảng kê chứng từ cùng loại số 04/12

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, đường Lê Hồng Phong, P. Đằng Hải, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI

Ngày 31/12/2019

Số: 04/12

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112, ghi nợ các TK			
SH	NT		TK 333	TK 511	...	Cộng
		...				
BN355	26/12	Chiết khấu thương mại	3.228.764	32.287.644		35.516.408
		Cộng	5.563.556	55.635.560		76.925.689

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 3.8 – Trích sổ chứng từ ghi sổ số 04/12

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, TP Hải Phòng

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2019

Số: 04/12

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải	TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...				
Tổng chiết khấu thương mại thanh toán trong tháng	511	112	55.635.560	
Tổng thuế GTGT đầu ra phải nộp thanh toán trong tháng	333	112	5.563.556	
Cộng			76.925.689	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 3.9 – Trích sổ cái TK 511

Công ty TNHH Thương Mại và Vận tải biển Đức Tuấn

Mẫu số S03b-DNN

Lô 9, Lê Hồng Phong, Đằng Hải, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức chứng từ ghi sổ)

Năm 2019

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
					
31/12	04/12	31/12	Tổng chiết khấu thương mại thanh toán trong tháng	112	55.635.560	
					
31/12	52/12	31/12	Kết chuyển doanh thu	911		31.642.864.630
			Cộng phát sinh		31.642.842.630	31.642.842.630
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.3. Ứng dụng phần mềm kế toán

Lợi ích của việc sử dụng phần mềm kế toán:

- Tiết kiệm thời gian làm việc

Việc sử dụng phần mềm kế toán là giải pháp tối ưu cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tiết kiệm tối đa thời gian làm việc. Phần mềm có tính năng tự động hóa và thay thế những thao tác thủ công thông thường. Hơn nữa, nhiều phần mềm có công cụ để xây dựng các danh mục đối tượng, danh mục vật tư hàng hóa, danh mục hạng mục/công trình, danh mục công việc, danh mục loại thuế, danh mục loại tiền tệ... từ đó hỗ trợ tối đa việc sắp xếp, tra cứu thông tin. Với việc sử dụng phần mềm kế toán, nhà quản lý sẽ luôn nắm được đầy đủ thông tin tài chính của doanh nghiệp khi cần thiết, từ đó hỗ trợ nhà quản lý ra quyết định nhanh chóng, hiệu quả. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có thể tăng năng suất làm việc của bộ phận kế toán, từ đó tiết kiệm được chi phí nhân lực cũng như các loại chi phí khác.

- Tính chính xác cao

Phần mềm kế toán cung cấp các công cụ tính toán có tính chính xác cao hơn hẳn so với việc sử dụng sổ sách để quản lý, tính toán số liệu theo phương pháp thủ công. Việc tính toán bằng phần mềm sẽ hạn chế tối đa lỗi khi tính toán, nếu có phát sinh lỗi thì chỉ có thể do việc nhập liệu đầu vào bị nhầm lẫn. Sử dụng phần mềm kế toán giúp đảm bảo độ chính xác về số liệu của liên quan đến các đối tượng, hàng hóa, giá thành... Hơn nữa, nhân viên kế toán có thể đối chiếu, kiểm tra số liệu dễ dàng để xác định những sai sót có thể phát sinh trong quá trình tính toán, thống kê.

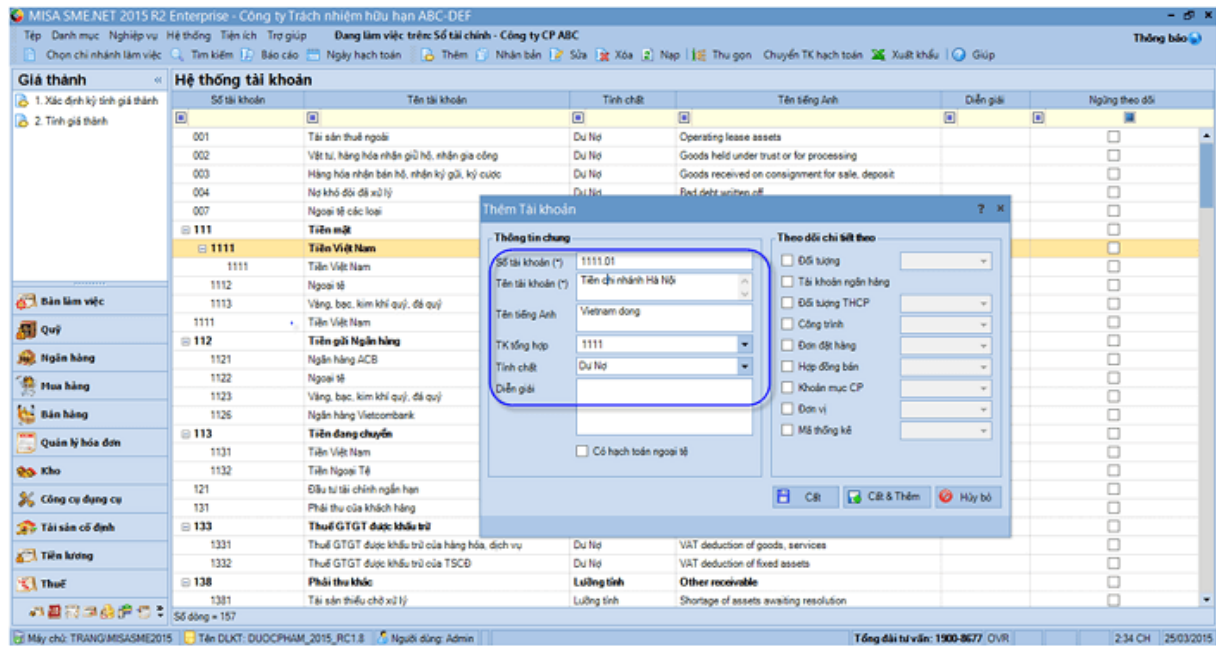
- Xuất các báo cáo tài chính nhanh gọn, dễ dàng

Phần mềm kế toán có chức năng truy xuất tự động các báo cáo, sổ sách, tờ khai, giúp nhân viên kế toán giảm nhiều thao tác cũng như công sức để xây dựng các báo cáo, sổ sách này theo phương pháp thủ công. Phần mềm kế toán có khả năng thống kê, báo cáo theo bất kỳ yêu cầu của doanh nghiệp trong thời gian nhanh nhất. Hơn nữa, các báo cáo này có thể xuất ra các file excel, word

hoặc các định dạng khác thuận tiện cho việc in ấn. Phần mềm cũng có thể được cài đặt để tự động lập báo cáo theo ngày, theo tuần hoặc theo tháng.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

3.2.3.1. Phần mềm kế toán Misasme 2020



- Ưu điểm:

+ Phần mềm kế toán Misa là một trong những ứng dụng tiên phong trong hỗ trợ quản lý thủ kho, kế toán, thuế, doanh thu,... giúp cho nhân viên, quản lý tiết kiệm hơn 50% thời gian, tăng hiệu suất công việc.

+ Giúp cho các doanh nghiệp đáp ứng được tiến độ báo cáo cho cục thuế đúng hạn, chính xác và rõ ràng.

+ Các quy trình trong công việc kế toán, báo cáo nhân công, lương thưởng được chi tiết và rõ ràng. Các báo cáo được xuất ra trở nên dễ hiểu hơn. Nó giúp cung cấp cho ban lãnh đạo, lãnh đạo doanh nghiệp có sẵn báo cáo để ra quyết định kịp thời. Các quản lý cũng dễ hiệu các thông số thể hiện trên phần mềm kế toán Misa là gì.

+ Đánh giá nhanh chóng và kịp thời, theo thời gian thực giúp doanh nghiệp kịp thời xử lý các vấn đề tài chính của công ty.

+ Các dữ liệu đều được tự động sao lưu, quá trình lưu trữ và khôi phục dữ liệu đều dễ dàng. Nó giúp bạn tránh các rủi ro khi có sự cố dữ liệu xảy ra. Khi có sự thay đổi về nhân sự kế toán, bạn không lo lắng về việc tìm và xử lý các dữ liệu.

- Nhược điểm:

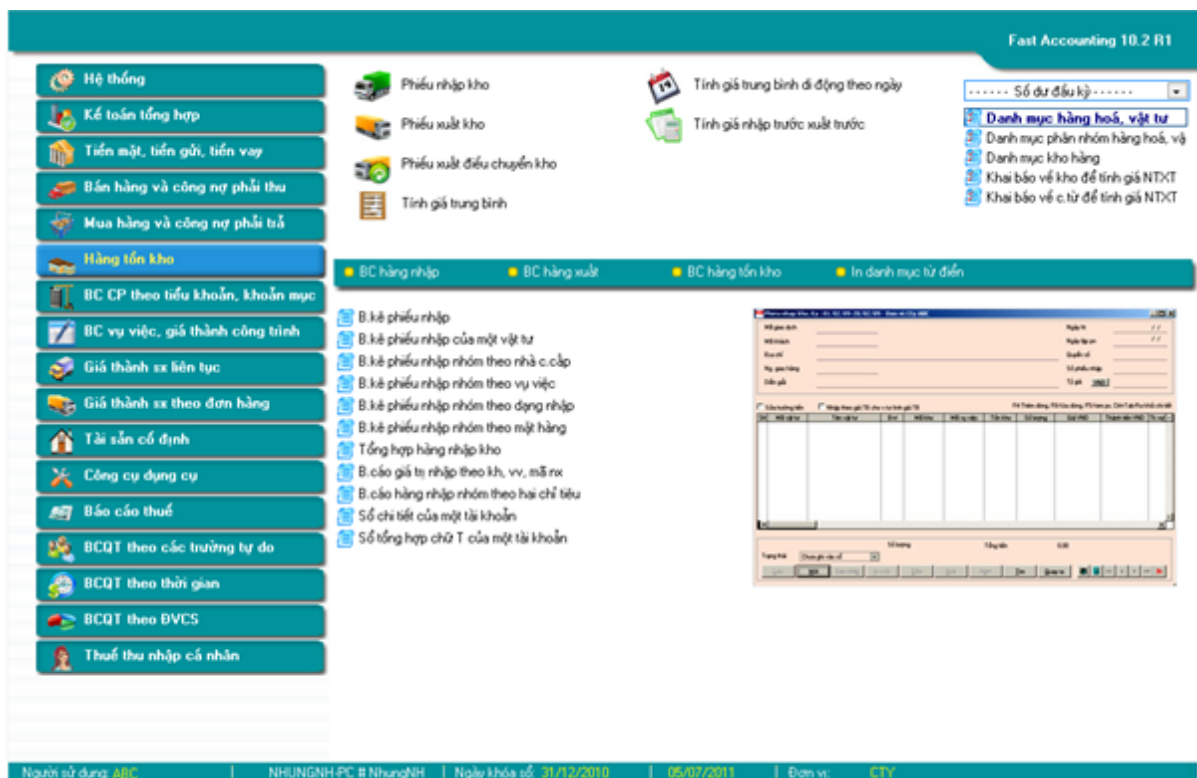
+ Đòi hỏi máy tính cài đặt có cấu hình máy tương đối cao, nếu bạn sử dụng máy yếu thì chương trình chạy rất chậm.

+ Tốc độ xử lý dữ liệu rất chậm đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu hệ thống.

+ Phân hệ tính giá thành sản phẩm chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

+ Các lỗi tiếng Việt thường gặp trong khi sử dụng phần mềm Misa là không đánh được tiếng Việt có dấu đối với win 8, win 10.

3.2.3.2. Phần mềm kế toán Fast Accounting



- Ưu điểm:

+ Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người

dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- + Tốc độ xử lý rất nhanh.
- + Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.
- + Sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi trên mọi thiết bị Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.

- + Dễ dàng truy xuất thông tin, đảm bảo tính chính xác

- **Nhược điểm**

- + Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

- + Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

3.2.3.3. Phần mềm kế toán CeAC



- **Ưu điểm:**

- + Sử dụng dễ dàng, thao tác trực quan, hỗ trợ các nghiệp vụ tự động, có nhiều công cụ tiện ích, các dữ liệu nhập vào hệ thống đảm bảo tính đúng đắn, đồng nhất.

- + Hỗ trợ quản trị đa chiều, đa dạng, khả năng tổng hợp số liệu, báo cáo tức thời và chính xác, dễ dàng truy cập thao tác nghiệp vụ mọi lúc mọi nơi.

- + Khả năng xử lý lượng dữ liệu lớn, nhiều người cùng sử dụng và nghiệp vụ phức tạp.

+ Đáp ứng linh hoạt các nhu cầu đặc thù của doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ pháp luật, chế độ kế toán cập nhật nhất.

+ Đảm bảo an ninh, an toàn, tính toàn vẹn của dữ liệu, tối ưu chi phí đầu tư và chi phí khai thác, bảo trì phần mềm.

- **Nhược điểm**

+ Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ

+ Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

KẾT LUẬN

Cùng hoà chung với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn đang phải tồn tại trong sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường. Đây thực sự là vấn đề bức xúc đòi hỏi công ty phải không ngừng vươn lên để đứng vững trên thị trường.

Kế toán trong nền kinh tế thị trường ngày càng nhận thức sâu sắc với chức năng là công cụ quản lý kinh tế. Quá trình vận dụng vào thực tiễn đối với doanh nghiệp thương mại và dịch vụ nói chung và Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn nói riêng đang ngày càng phát huy vai trò của kế toán trong quản lý kinh tế.

Đặc biệt, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh ghi chép một cách đầy đủ chính xác doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao doanh thu cung cấp dịch vụ nói riêng và kết quả kinh doanh của Công ty nói chung.

Thực tập tại Công ty là cơ hội cho em tiếp cận với thực tế và học hỏi kinh nghiệm cho bản thân. Sau một thời gian thực tập tại công ty em đã học hỏi và có được những hiểu biết ban đầu về thực tế công tác kế toán tại công ty, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Em nhận thấy công tác kế toán ở Công ty thực hiện khá đầy đủ, đúng chế độ và đảm bảo cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị kinh doanh. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, Công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Dựa trên cơ sở lý luận và thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, em đã có sự đánh giá khái quát từ đó đưa ra những ưu điểm cũng như rút ra một số hạn chế trong công tác này. Qua đó, em

có đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do thời gian nghiên cứu có hạn, kiến thức và kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nên luận văn của em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được ý kiến đánh giá, đóng góp của thầy cô để luận văn được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Phạm Văn Tường và tập thể anh chị kế toán phòng tài chính kế toán công ty đã tạo điều kiện cho em hoàn thành luận văn này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trần Thị Kim Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán công ty vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH thương mại và vận tải biển Đức Tuấn, tài liệu kế toán (2019)
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.